

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

HẢI PHÒNG - 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH GLOBAL ENG VIỆT NAM**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Minh Hảo

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Vũ Minh Hảo

Mã SV: 2013401007

Lớp : QTL2401K

Ngành : Kế toán kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- ✓ Hệ thống hóa lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- ✓ Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam
- ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- ✓ Tài liệu về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- ✓ Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam, sử dụng số liệu năm 2020 hoặc 2021.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.

Địa chỉ Công ty: Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 4 tháng 4 năm 2022

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 24 tháng 6 năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Mai Linh
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng.
Họ và tên sinh viên: Vũ Minh Hào Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2021). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	6
1.1.1. <i>Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.</i>	2
1.1.2. <i>Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.</i>	2
1.1.3. <i>Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....</i>	7
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	8
1.2.1. <i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	8
1.2.2. <i>Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp</i>	10
1.2.3. <i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính</i>	16
1.2.4. <i>Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.</i>	20
1.2.5. <i>Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....</i>	22
1.2.6. <i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</i>	24
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI.....	33
CÔNG TY TNHH GLOBAL ENG VIỆT NAM	33
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Global ENG Việt Nam	33
2.1.1. <i>Quá trình hình thành và phát triển</i>	33
2.1.2. <i>Chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh của Công ty.....</i>	34
2.1.3. <i>Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý tại công ty.....</i>	36
2.1.4. <i>Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh.....</i>	37
2.1.5. <i>Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần nhất.....</i>	37

2.1.6.	<i>Tổ chức bộ máy kế toán.....</i>	39
2.1.7.	<i>Các chính sách kế toán của công ty</i>	40
2.2.	Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.	41
2.2.1.	<i>Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam..</i>	41
2.2.2.	<i>Kế toán giá vốn hàng bán.....</i>	52
2.2.3.	<i>Kế toán chi phí bán hàng</i>	59
2.2.4.	<i>Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....</i>	63
2.2.5.	<i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính</i>	69
2.2.6.	<i>Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.....</i>	76
2.2.7.	<i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</i>	76
	CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GLOBAL ENG VIỆT NAM	89
3.1.	Một số đánh giá về công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.....	89
3.1.1.	<i>Ưu điểm</i>	89
3.1.2.	<i>Hạn chế</i>	90
3.2.	Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.	90
	KẾT LUẬN	97
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	98

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại và phát triển lâu dài thì các doanh nghiệp cần phải chủ động trong sản xuất kinh doanh, nâng cao công tác quản lý, nắm bắt một cách nhanh chóng và chuẩn xác các thông tin, đặc biệt là các thông tin kinh tế. Những thông tin này do kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung, thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp ta có thể biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác. Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản và quan trọng của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp.

Với nhận thức đó, từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam, em đã quyết định chọn đề tài làm khóa luận ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam”***.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, kết cấu khóa luận của em gồm 3 chương chính:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn chân thành sâu sắc tới cô giáo hướng dẫn trực tiếp - Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh và các cán bộ phòng Tài chính – Kế toán Công ty TNHH Global ENG Việt Nam đã giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu hoá chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu (hạn mức vay) và vay trong bao lâu (kỳ hạn vay).

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.2.1. Doanh thu.**❖ Khái niệm doanh thu.**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “*Doanh thu và thu nhập khác*”, khái niệm doanh thu được ghi nhận như sau: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

❖ Phân loại doanh thu.

Doanh thu bao gồm:

♦ Doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

♦ Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

♦ Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

♦ Thu nhập khác.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác

1.1.2.2. Chi phí.**❖ Khái niệm chi phí.**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 (VAS01 – Chuẩn mực chung), chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa trong một thời kỳ nhất định mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

❖ Phân loại chi phí.**a) Giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

b) Chi phí quản lý kinh doanh**➤ Chi phí bán hàng.**

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí vật liệu bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí bảo hành sản phẩm
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Thuế, phí và lệ phí

- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

c) Chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển khoản chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

d) Chi phí khác.

Chi phí khác gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác...

e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu đạt được và tổng chi phí bỏ ra trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định.

Kết quả kinh doanh trong một doanh nghiệp được cấu thành bởi Kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh chính; Kết quả của hoạt động tài chính và Kết quả của hoạt động khác trong doanh nghiệp.

Công thức xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{(lợi nhuận trước thuế} \\ \text{thu nhập doanh nghiệp} \\ \text{hoặc lỗ)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{array}$$

Trong đó:

Công thức xác định Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, trong trường hợp doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản} \\ \text{xuất kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{hoạt động tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{hoạt động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{(lợi nhuận sau thuế thu} \\ \text{nhập doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{(lợi nhuận trước thuế} \\ \text{thu nhập doanh nghiệp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{(lợi nhuận trước thuế} \\ \text{thu nhập doanh nghiệp} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế} \\ \text{thu nhập doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, thu nhập từ hoạt động tài chính và thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Doanh thu của kỳ hạch toán phải được kế toán theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán quy định hiện hành.
- Doanh thu hàng hóa, dịch vụ phải được hạch toán chi tiết theo từng hoạt động.

- Lập báo cáo tình hình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, báo cáo kết quả kinh doanh.
- Chi phí kỳ hạch toán phải được kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán quy định hiện hành.
- Quản lý chi phí kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, tránh tình trạng sử dụng lãng phí, sai mục đích, đồng thời đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra bình thường.
- Kế toán kết quả kinh doanh cần tuân thủ theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hiện hành, các văn bản pháp lý, các thông tư, quyết định có liên quan.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo Có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

*** TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài khoản 511 có 6 TK cấp 2:

- TK5111 - Doanh thu bán hàng hóa.
- TK5112 - Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK5117 - Doanh thu bất động sản đầu tư.
- TK5118 - Doanh thu khác

* Kết cấu của tài khoản 511:

Bên Nợ:

- + Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế xuất khẩu, Thuế bảo vệ môi trường).
- + Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu.
- + Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

*** Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại, hoặc hàng bán được giảm giá.

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại.
- Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại.
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán.

* Kết cấu của tài khoản 521:

Bên Nợ:

- + Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- + Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- + Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

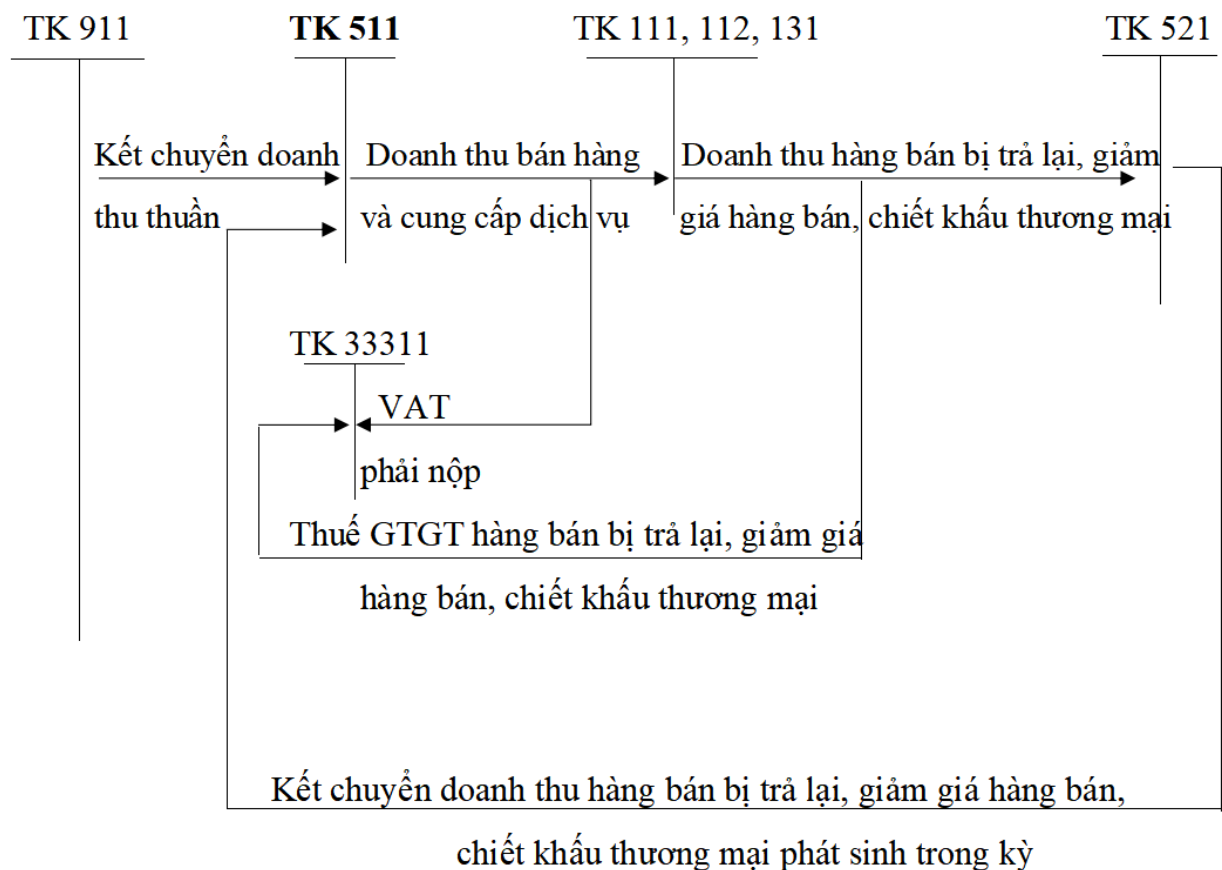
Bên Có:

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2.1.1: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh Bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê Bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý Bất động sản đầu tư...

- Có ba phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

✓ Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho}} * \text{Đơn giá bình quân}$$

+ Nếu đơn giá bình quân tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân gia quyền} \\ \text{cả kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{sản phẩm hàng} \\ \text{hóa tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế của} \\ \text{sản phẩm, hàng hóa nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm, hàng} \\ \text{hóa nhập trong kỳ} \end{array}}$$

+ Nếu đơn giá bình quân tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn (hay bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập):

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân gia} \\ \text{quyền sau lần nhập} \\ \text{thứ } i \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần} \\ \text{nhập thứ } i \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần} \\ \text{nhập thứ } i \end{array}}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa vật tư. Kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn lại sau mỗi lần nhập.

✓ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này, sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn tại cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập cuối cùng.

✓ Phương pháp giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá trị vốn hàng hóa xuất kho được xác định dựa trên giả định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

- Kết cấu tài khoản 632:

❖ **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Bên Nợ:

- **Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:**

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.

+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- **Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, phản ánh:**

+ Số khấu hao bất động sản đầu tư dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ;

+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Bất động sản đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá Bất động sản đầu tư;

- + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động Bất động sản đầu tư trong kỳ;
- + Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;
- + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý Bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ;
- + Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.

Bên Có:

- + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
- + Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- + Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho;
- + Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).
- + Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.
- + Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại

Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- + Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- + Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ.**Bên Nợ:**

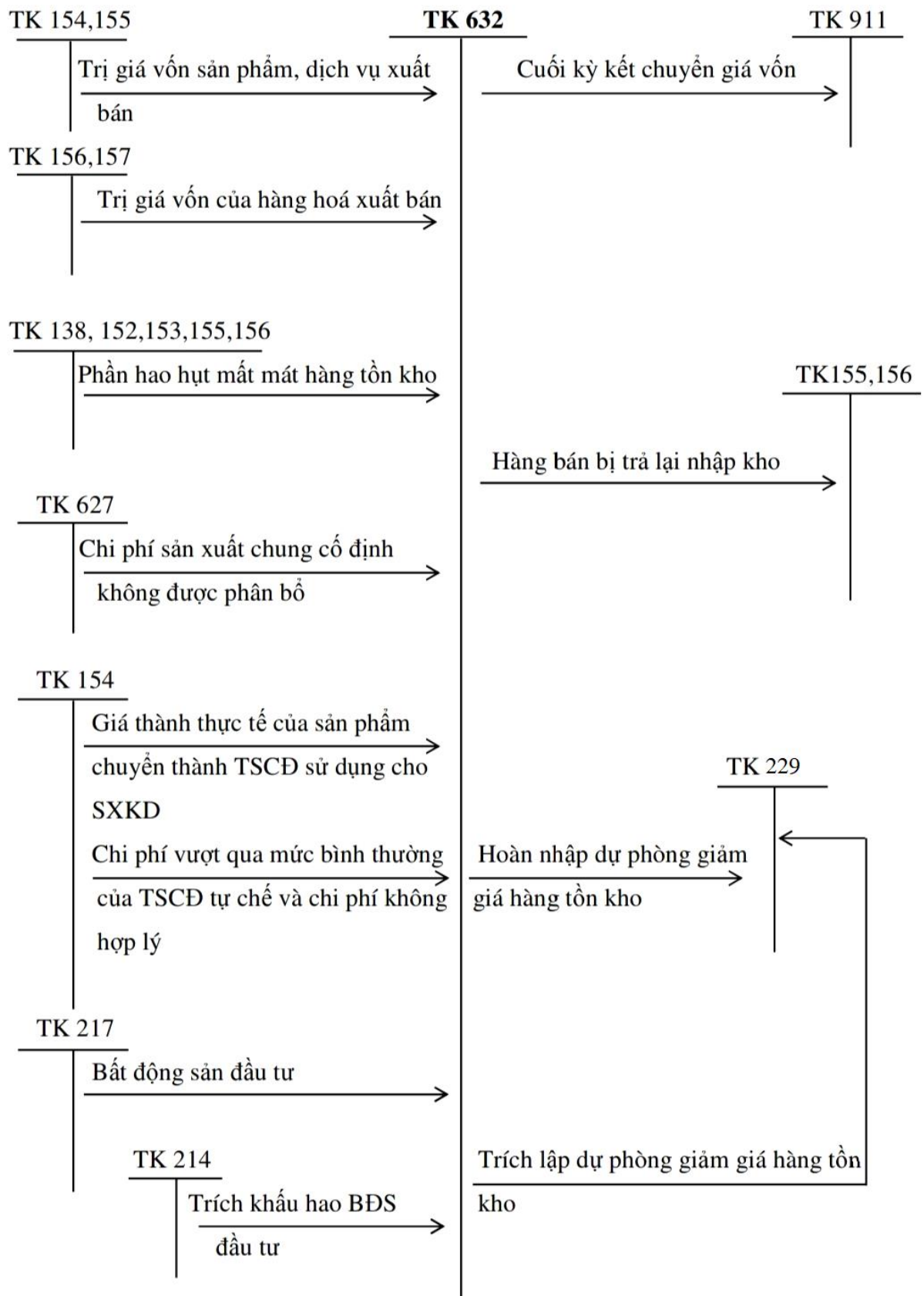
- + Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có:

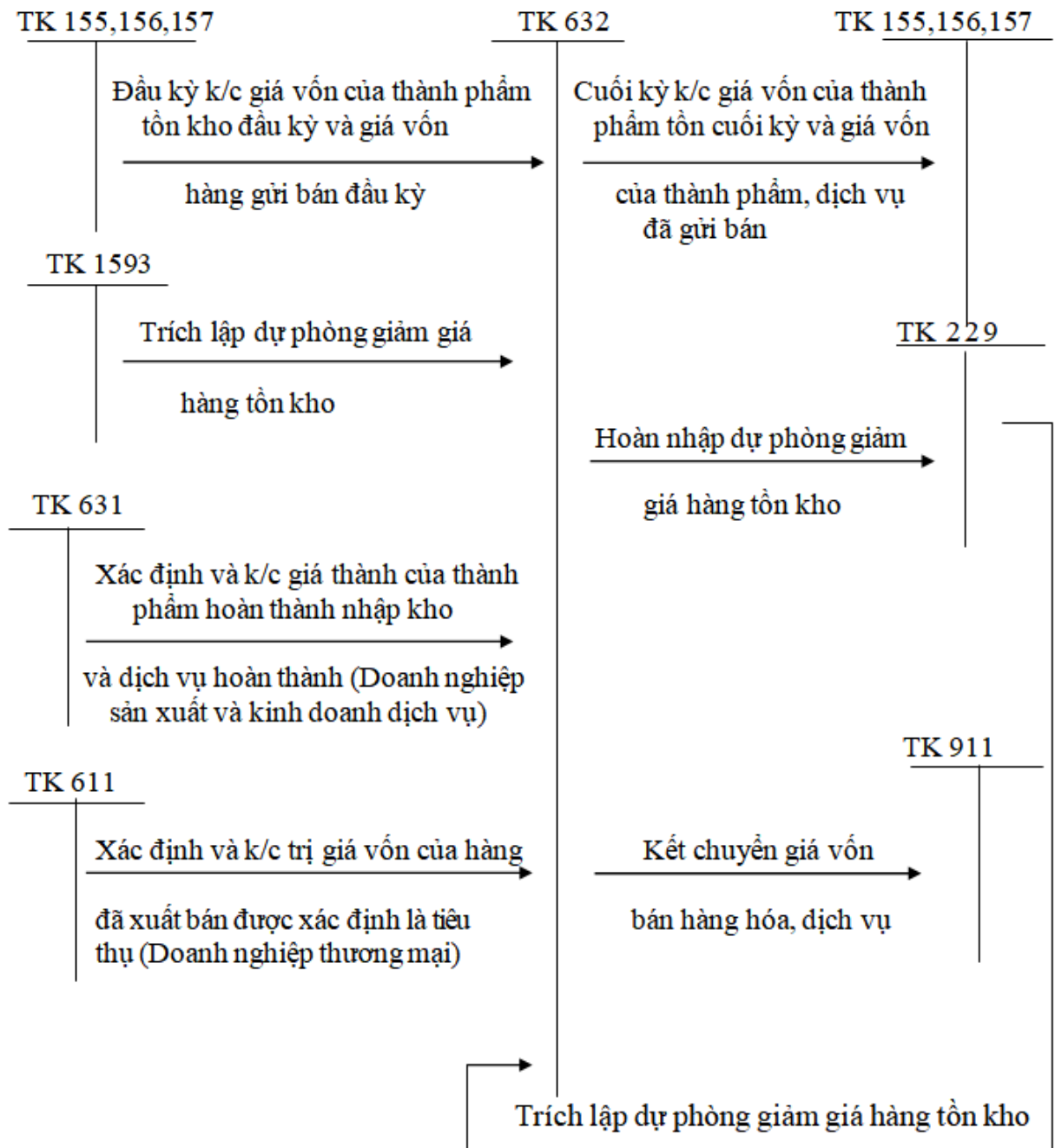
- + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”;
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.**Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán không có tài khoản cấp 2.****1.2.2.3. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được thể hiện qua hai sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2.2.1: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.2.2.1: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

Hoạt động tài chính là hoạt động liên quan đến đầu tư tài chính, cho vay vốn, góp vốn liên doanh, giao dịch chứng khoán, lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lãi/lỗ chênh lệch liên quan tới ngoại tệ.

1.2.3.1. Doanh thu hoạt động tài chính.

❖ Nội dung

Doanh thu tài chính là tổng các giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ các khoản tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu tính lãi tiền gửi
- Phiếu thu
- Giấy báo Có
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ..

Bên Có:

+ Tiền lãi, bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia của doanh nghiệp.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.2. Chi phí tài chính.

❖ Nội dung

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan tới các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư về tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp, bao gồm:

- Khoản lỗ phát sinh do bán ngoại tệ, lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ, chênh

lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản phải thu dài hạn và các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Chi phí liên quan hoạt động vay vốn.
- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu tính lãi tiền vay
- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 635 - Chi phí tài chính
- Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

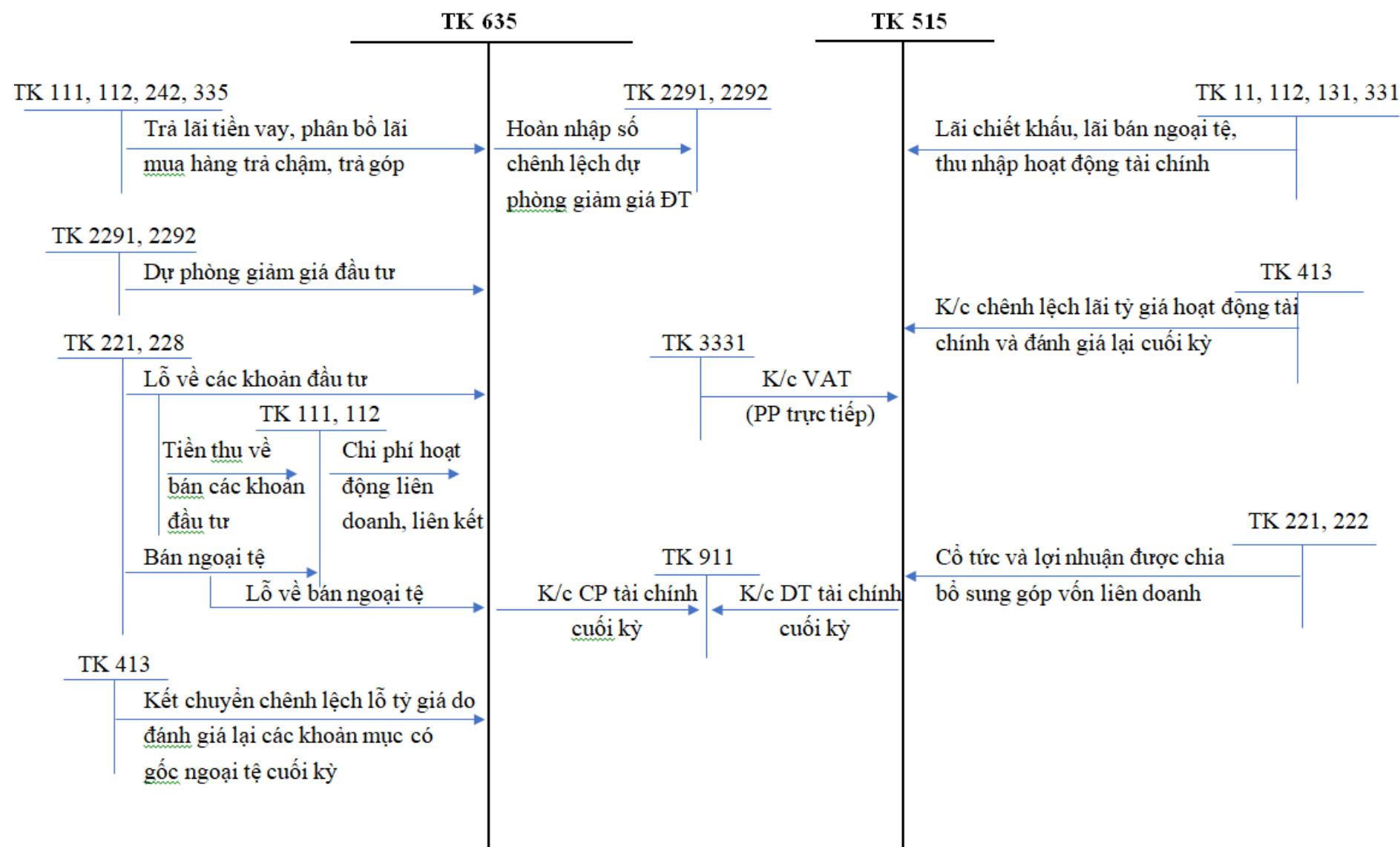
- + Tiền lãi vay phải trả
- + Lỗ tỷ giá ngoại tệ
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- + Lỗ đầu tư, lỗ bán ngoại tệ

Bên Có:

- + Kết chuyển chi phí tài chính vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ..

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2.3: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.**1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Bảng phân bổ tiền lương
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ chi phí trả trước
- + Phiếu chi, Ủy nhiệm chi, Giấy báo Nợ
- + Hóa đơn GTGT
- + Chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

- TK 641 - Chi phí bán hàng,
- TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa và quản lý chung trong doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

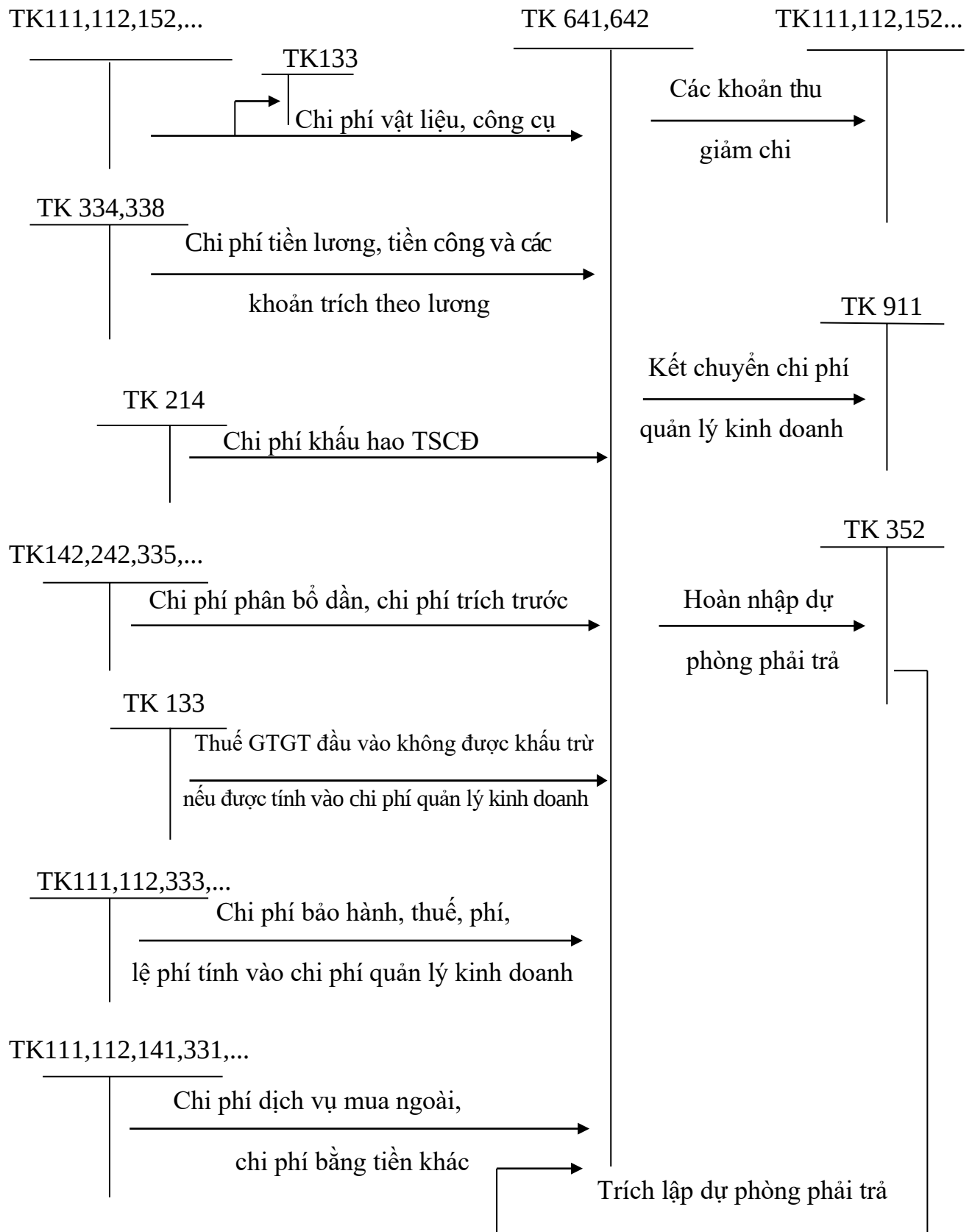
- + Tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

Bên Có:

- + Các khoản giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- + Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641, 642 không có số dư.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.2.4: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.5.1. Thu nhập khác.

❖ Nội dung

Thu nhập khác là khoản thu nhập khác, ngoài hoạt động tạo ra doanh thu trong các hoạt động thông thường của doanh nghiệp

❖ Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT ; Phiếu thu ; Giấy báo Có

❖ Tài khoản sử dụng: TK 711 – Thu nhập khác

Nội dung kết cấu tài khoản 711

Bên Nợ:

+ Kết chuyển thu nhập khác vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Bên Có:

+ Các khoản thu nhập khác phát sinh.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2. Chi phí khác.

❖ Nội dung

Chi phí khác là khoản chi phí, khoản lỗ phát sinh do các sự kiện hay giao dịch riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp

❖ Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT ; Phiếu chi ; Giấy báo Nợ

❖ Tài khoản sử dụng: TK 811 – Thu nhập khác

Nội dung kết cấu tài khoản 811

Bên Nợ:

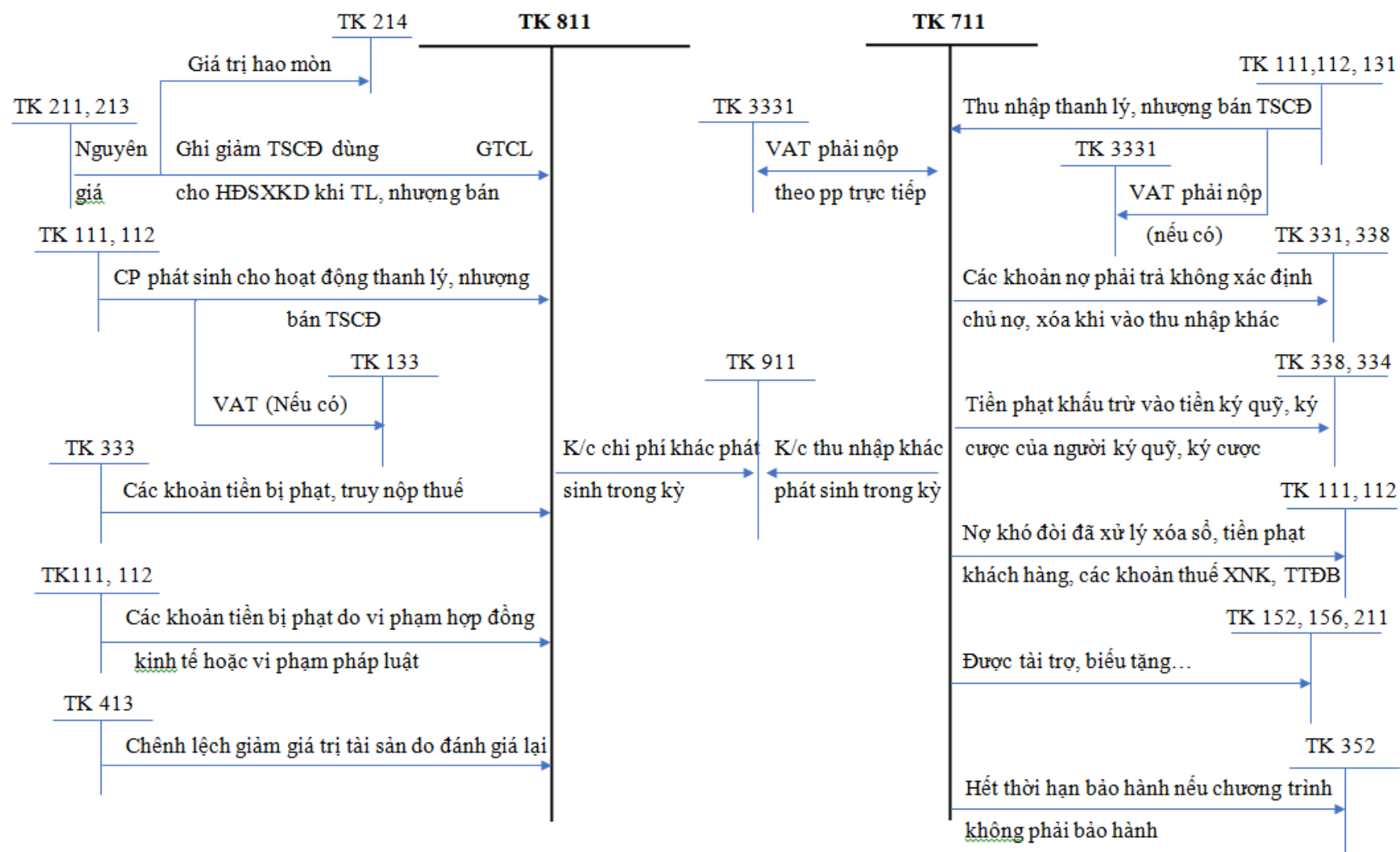
+ Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

+ Kết chuyển chi phí khác vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



Sơ đồ 1.2.5.2 Trình tự hạch toán thu nhập khác, chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 821 - Chi phí thuế TNDN.

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Nội dung kết cấu tài khoản 821

Bên Nợ:

- + Chi phí thuế TNDN hiện hành đã phát sinh trong năm.
- + Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện hành.
- + Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- + Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả.
- + Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có tài khoản 8212 lớn hơn số phát sinh bên nợ tài khoản 8212 phát sinh trong kỳ sang bên có tài khoản 911.

Bên Có:

- + Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận

trong năm.

- + Số thuế TNDN được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện hành.
- + Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm sang TK 911
- + Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- + Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế hoãn lại.
- + Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên nợ TK 8212 nhỏ hơn số phát sinh bên có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào TK 911.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 -“Chi phí thuế TNDN hiện hành”
- Tài khoản 8212 -“Chi phí thuế TNDN hoãn lại”

Nội dung kết cấu tài khoản 911

Bên Nợ :

- + Kết chuyển giá vốn hàng bán
- + Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Kết chuyển chi phí tài chính
- + Kết chuyển chi phí khác
- + Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành
- + Kết chuyển lãi

Bên Có :

- + Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- + Kết chuyển thu nhập khác
- + Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN
- + Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Nội dung kết cấu tài khoản 421**Bên Nợ:**

- + Trích lập các quỹ
- + Số cổ tức, lợi nhuận chia cho các chủ sở hữu
- + Số bổ sung vốn đầu tư chủ sở hữu
- + Số lỗ về hoạt động kinh doanh

Bên Có:

- + Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh trong kỳ
- + Khoản lỗ cấp trên bù cho cấp dưới
- + Xử lý khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

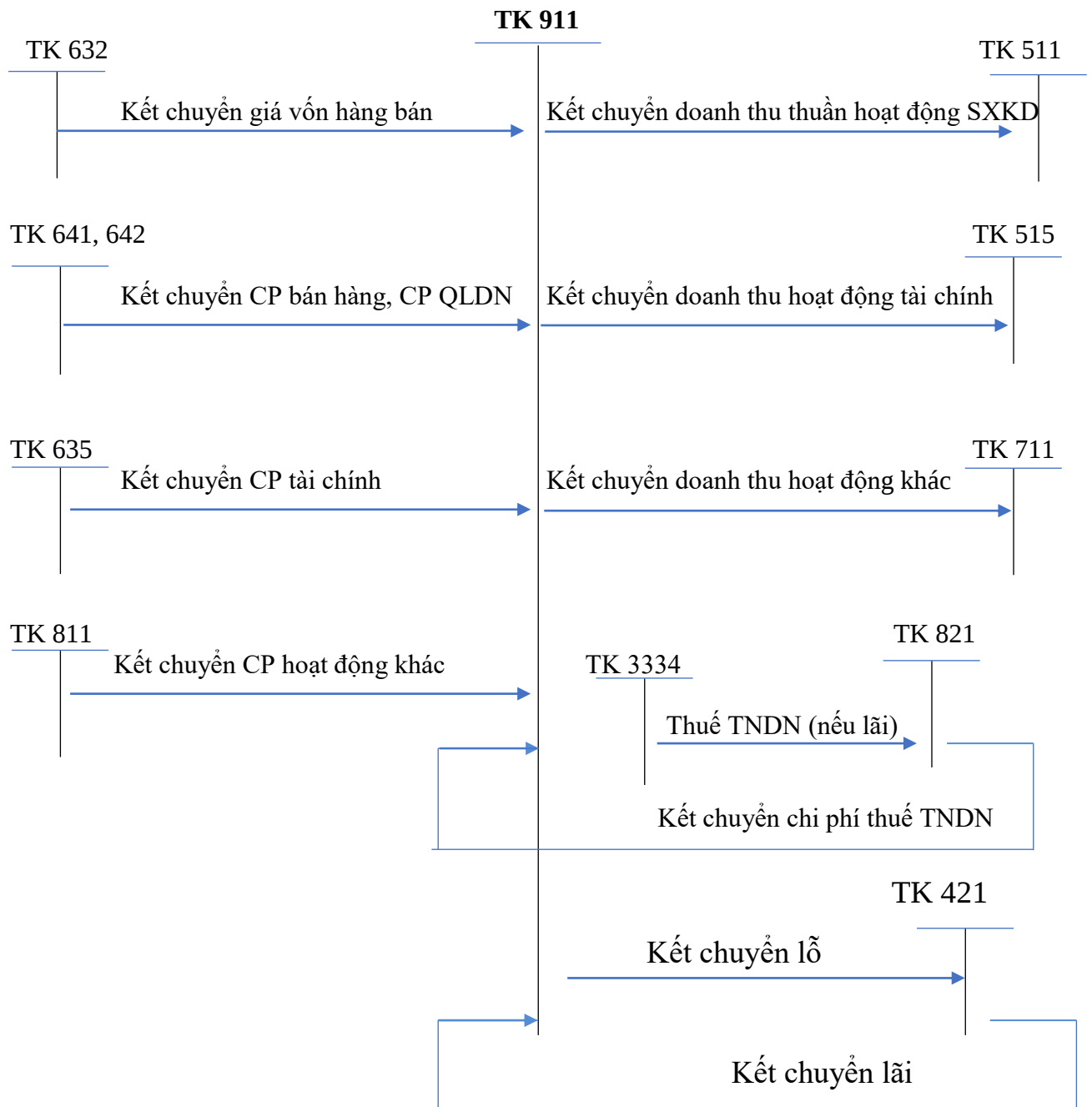
Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có

- + Nếu số dư Nợ: Lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý
- + Nếu số dư Có: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2

- + Tài khoản 4211 - “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”
- + Tài khoản 4212 - “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay”

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán tài khoản 911.



Sơ đồ 1.2.6.1: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1. Hệ thống sổ sách

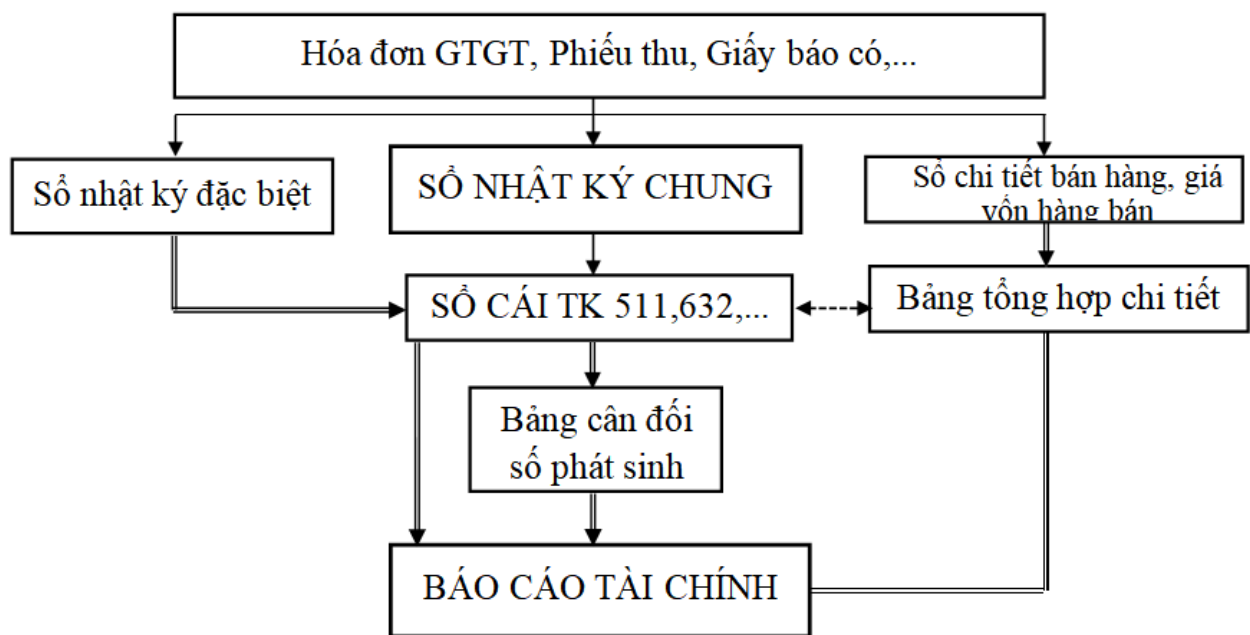
Các hình thức ghi sổ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 gồm 5 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký – Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.3.1.1 Ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính



Ghi chú:

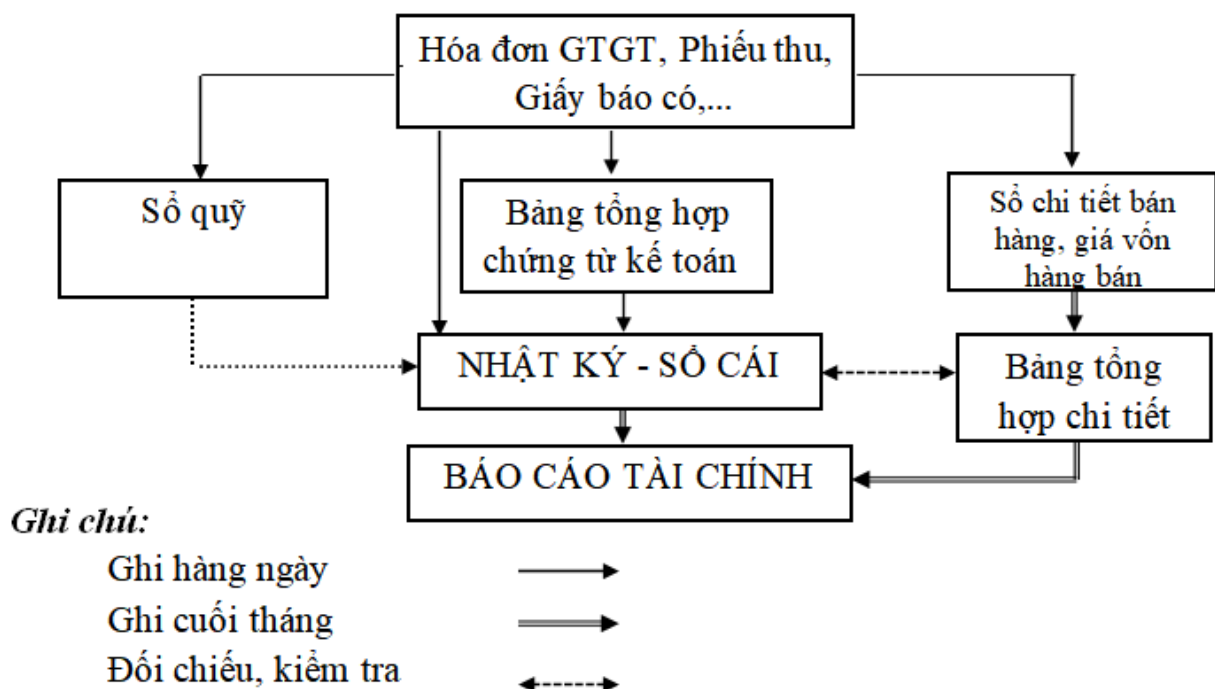
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Ghi hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 1.3.1.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.1.2 Ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ cái.

Cuối tháng, căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng (trong quý) kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ cái.

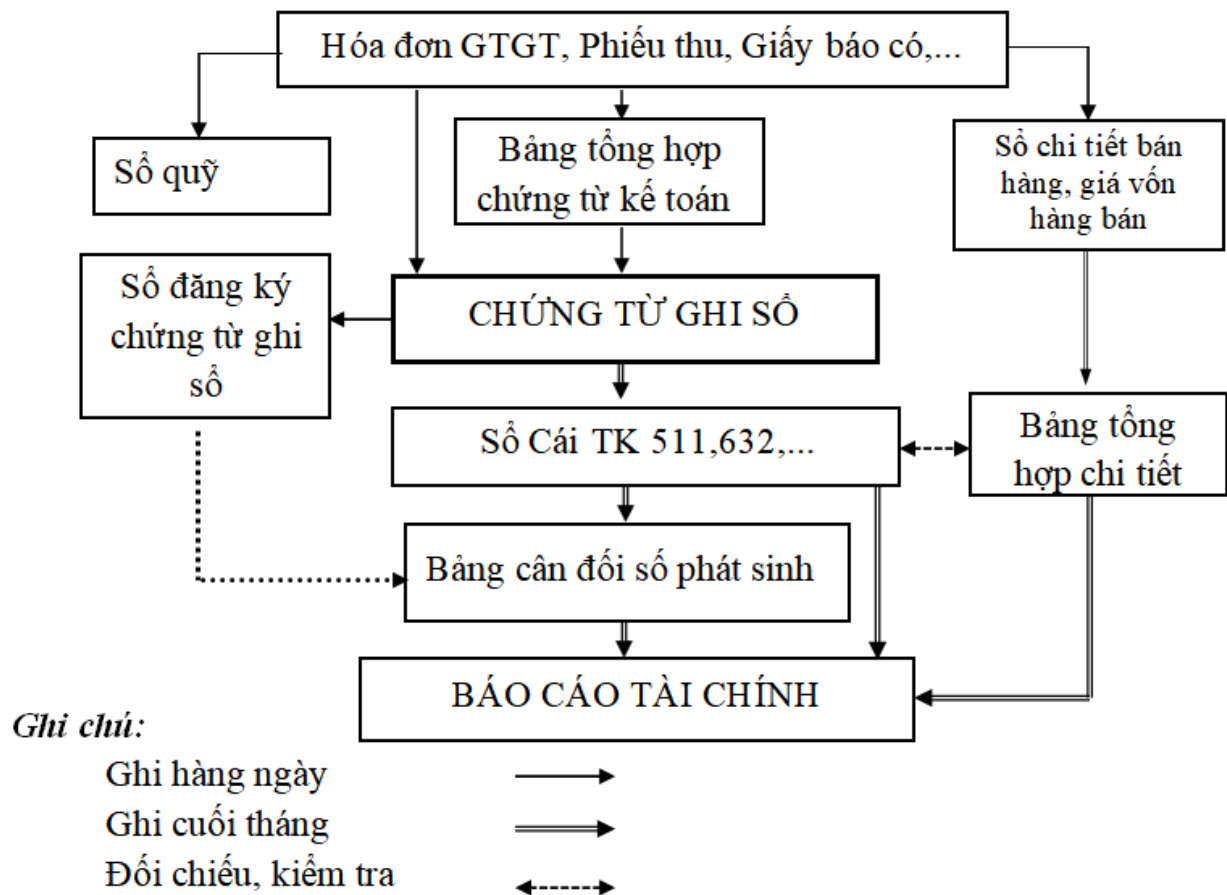


Sơ đồ 1.3.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.1.3 Ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.



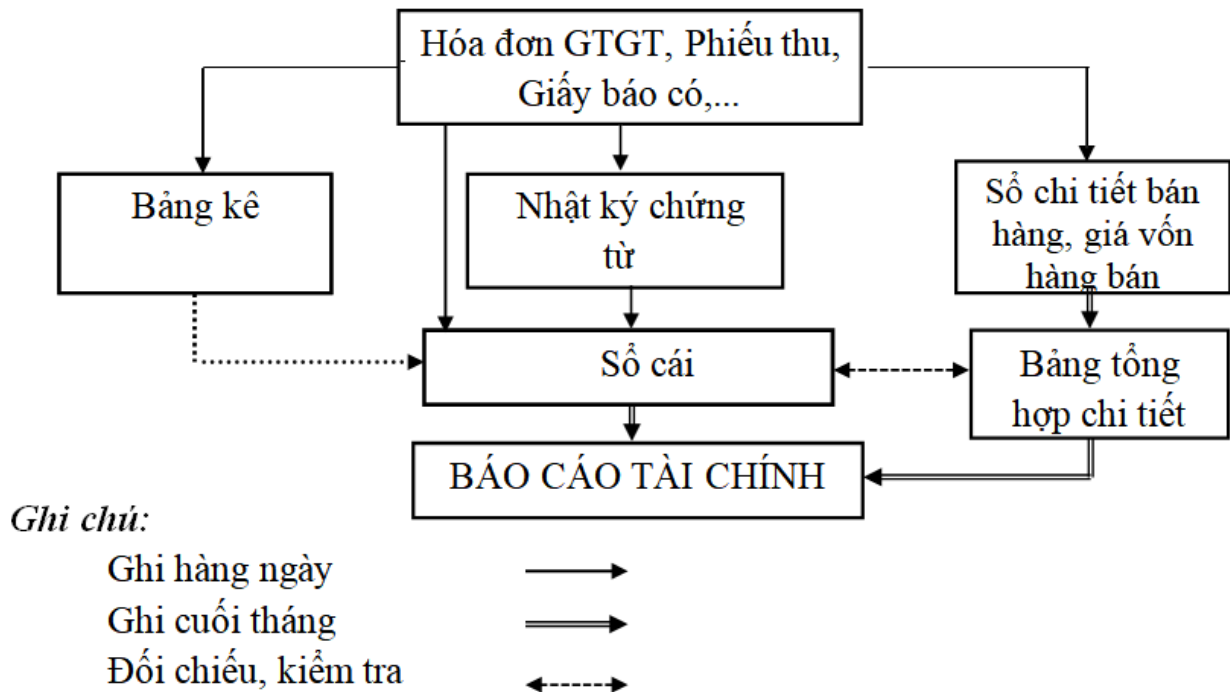
Sơ đồ 1.3.1.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.1.4 Ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.

Hàng ngày - Căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp

chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính

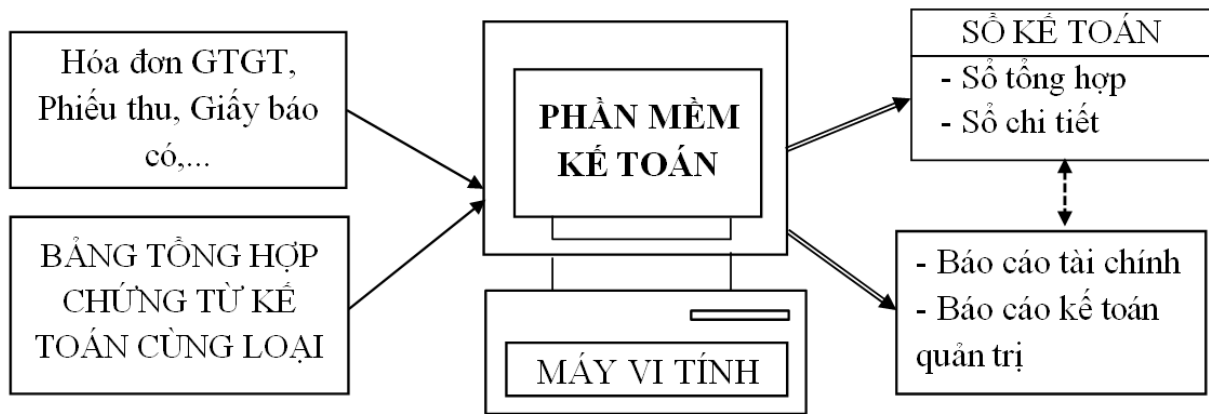


Sơ đồ 1.3.1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

1.3.1.5 Ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp (gồm các sổ như sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511, 632, 641, 642, 911...) và sổ kế toán chi tiết (gồm các sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn hàng bán) được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày $\longrightarrow$

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Sơ đồ 1.3.1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GLOBAL ENG VIỆT NAM

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

- Tên công ty: Công ty TNHH Global ENG Việt Nam
- Tên tiếng Anh: GLOBAL ENG VIETNAM LIMITED COMPANY
- Tên viết tắt: GEV
- Mã số doanh nghiệp: 0201818719 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 11 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 01 năm 2018.
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 - Điện thoại: 0225 362 1199 - Fax: 0225 362 1199
 - Vốn điều lệ: 6.026.800.000 đồng
- Bằng chữ: Sáu tỷ không trăm hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng
(Tương đương 260.000 đô la Mỹ)
- Người đại diện: Ông Noh Seung Hyun Giới tính: Nam
 - Chức danh: Giám đốc công ty Quốc tịch: Hàn Quốc
 - Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên vốn đầu tư nước ngoài

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4356514024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 11 năm 2017 chứng nhận nhà đầu tư Global Engineering Co., LTD đăng ký thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam. Công ty ký hợp đồng thuê với Công ty CP xây dựng số 3 Hải Phòng tại địa điểm thuê: Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Nội dung của dự án như sau:

➤ Tên dự án đầu tư: Dự án lắp đặt thiết bị điện, điều khiển tự động và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa.

➤ Mục tiêu dự án:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp dùng trong lĩnh vực tự động hóa.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống điều khiển tự động công nghiệp.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa, thiết bị điện và tự động hóa.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh của Công ty

2.1.2.1. Chức năng

Chức năng chủ yếu của công ty là hoạt động trong khâu lưu thông phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ về hệ thống điện điều khiển tự động, hoạt động theo cơ chế thị trường với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, thị trường chính mà công ty cung cấp là ở Hải Phòng và các tỉnh lân cận. Chức năng này được thể hiện như sau:

- Phát hiện nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ điện, điện tự động hóa trên thị trường và tìm cách thỏa mãn nhu cầu đó.
- Phải không ngừng nâng cao số lượng, chất lượng phục vụ nhu cầu của khách hàng để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Giải quyết tốt các mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài để tạo dựng văn hóa và hình ảnh của công ty.

2.1.2.2. Nhiệm vụ

Nhiệm vụ của Công ty TNHH Global ENG Việt Nam đã được khẳng định trong lĩnh vực thương mại dịch vụ:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh theo đúng ngành nghề đăng ký phù hợp với mục tiêu chiến lược của công ty.
- Tổ chức nghiên cứu, và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng cho phù hợp với thị trường.
- Thực hiện chăm lo, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất tinh thần, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ người lao động.
- Tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà Nước về luật kinh

doanh và các luật có liên quan.

- Mở sổ sách kế toán, ghi chép sổ sách theo quy định và chịu sự kiểm tra giám sát của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

2.1.2.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất nhập khẩu hàng hóa thiết bị điện, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp dùng trong lĩnh vực tự động hóa.
- Sửa chữa thiết bị điện; lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt xây dựng thang máy, hệ thống cửa ra vào, cửa tự động.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, điều khiển tự động hóa.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật về lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống điều khiển tự động công nghiệp.

Các loại sản phẩm, dịch vụ chủ yếu như sau:

Bảng 1. Một số mặt hàng chủ yếu của công ty

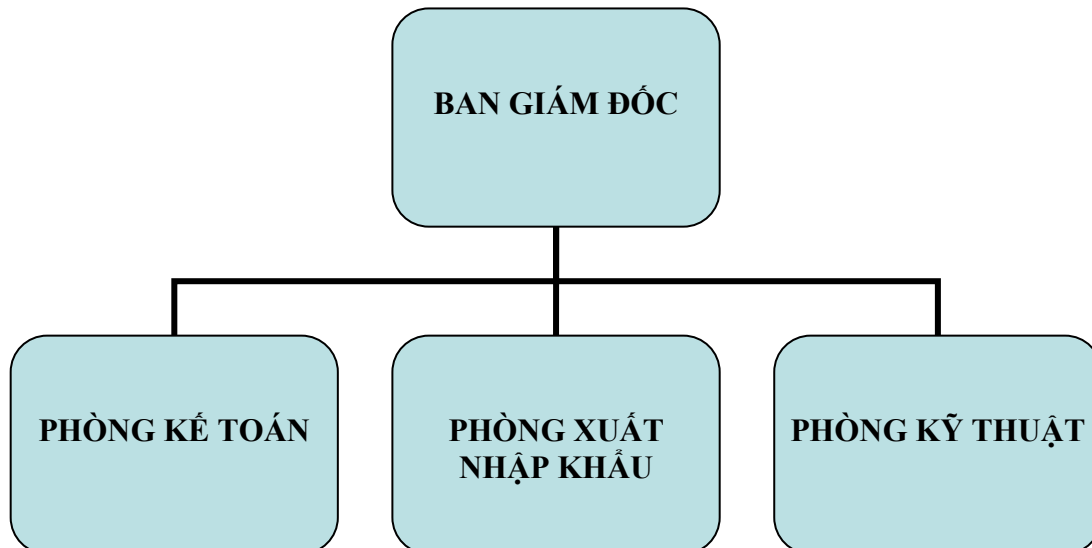
STT	Tên hàng	STT	Tên hàng
1	Case máy tính	10	Thiết bị đo vận tốc khí thải
2	Máy tính xách tay	11	Thiết bị cảm biến mức chất lỏng
3	Van điều khiển làm lạnh	12	Thiết bị cảm biến phát hiện khí thải
4	Van điều khiển độ ẩm	13	Bộ lưu điện UPS
5	Van điện từ	14	Tủ điện điều khiển
6	Thiết bị cảm biến áp suất	15	Module đồ họa HDMI
7	Thiết bị cảm biến nhiệt độ	16	Bộ truyền động van điều tiết
8	Thiết bị cảm biến độ ẩm	17	Vật liệu chống cháy SFEX PAD 60
9	Máy biến đổi tĩnh điện	18	Biến tần Inverter
...	...	...	...

(Nguồn: Phòng kinh doanh)

2.1.3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý tại công ty

2.1.3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam là một công ty có quy mô nhỏ nên việc tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty khá đơn giản, sơ đồ như sau:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

2.1.3.2. Chức năng nhiệm vụ từng phòng ban

Tổ chức bộ máy của công ty theo kiểu mô hình trực tuyến, đây là một mô hình phù hợp với quy mô của công ty nhờ sự thống nhất tập trung cao độ, chế độ trách nhiệm rõ ràng, thông tin trực tiếp và nhanh chóng, chính xác. Theo đó:

- Giám đốc: là người điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu Công ty về kết quả hoạt động kinh doanh của dự án đầu tư. Giám đốc lập chiến lược kinh doanh, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hợp đồng kinh tế, về việc chấp hành các quy định của công ty, có toàn quyền trong việc tuyển dụng, sa thải nhân viên.
- Phòng xuất nhập khẩu: gồm một nhân viên. Nhiệm vụ cơ bản là phụ trách các thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa của Công ty.
- Phòng Kế toán: gồm một Kế toán trưởng và hai Kế toán viên. Bộ phận này thực hiện nhiệm vụ kiểm soát và chịu trách nhiệm về các hồ sơ, giấy tờ, các thủ tục liên quan đến pháp luật về kế toán (gồm cả kế toán quản trị và kế toán tài chính); chịu trách nhiệm về tính tuân thủ pháp luật của Công ty đối với các quy định pháp

luật về thuế hiện hành do Nhà nước Việt Nam quy định; lập các kế hoạch tài chính hàng tháng của công ty. Đồng thời Phòng kế toán kiêm nhiệm luôn công tác hành chính nhân sự của Công ty, là một bộ phận đa nhiệm nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ.

➤ Phòng kỹ thuật: gồm một người. Nhiệm vụ của phòng kỹ thuật là phụ trách các vấn đề kỹ thuật hàng hóa, kiểm tra về các thông số kỹ thuật của sản phẩm hàng hóa để đảm bảo việc tối ưu hóa nhu cầu sử dụng cho khách hàng và đưa ra những tư vấn kỹ thuật phù hợp nhất, chính xác nhất đáp ứng nhu cầu khách hàng.

2.1.4. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh

2.1.4.1. Thuận lợi

- Giám đốc Công ty có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực quản lý và điều hành doanh nghiệp.
- Đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, là những nhân viên trẻ và chăm chỉ.
- Nhập các nguyên liệu, hàng hóa đảm bảo chất lượng tốt .
- Các đối tác của công ty đều là những doanh nghiệp, những cá nhân có uy tín
- Nền kinh tế Việt Nam hiện nay có một nền kinh tế đang trên đà phát triển nên các doanh nghiệp có xu hướng sử dụng công nghệ tự động hoá vào sản xuất ngày càng nhiều, tạo thuận lợi hơn trong quá trình lao động.
- Ngành kỹ thuật tự động hoá ở nước ta bây giờ là một ngành có tiềm năng phát triển, Công ty có khả năng phát triển, mở rộng quy mô kinh doanh.

2.1.4.2. Khó khăn

- Ngành tự động hóa tại Việt Nam nói chung và tại Hải Phòng nói riêng vẫn là ngành công nghiệp non trẻ.
- Công ty chưa tiếp xúc được với những khách hàng giàu tiềm năng như Vinfast hay Samsung... mà chỉ mới ký hợp đồng được với LG.

2.1.5. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần nhất

Bảng 2.1.5.1: Báo cáo kết quả kinh doanh trong ba năm 2019, 2020 và 2021

 CÔNG TY TNHH GLOBAL ENG VIỆT NAM GLOBAL ENG VIETNAM LIMITED COMPANY					
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				(Mẫu số B 02-DN)	
				[ĐVT: VND]	
Chỉ tiêu	2021	Năm 2020	2019	So sánh 2021/2020	2020/2019
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	11,045,265,000	12,765,780,000	14,062,503,000	-13.5%	-9.2%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	11,045,265,000	12,765,780,000	14,062,503,000	-13.5%	-9.2%
4. Giá vốn hàng bán	8,736,172,677	10,116,825,015	11,166,728,222	-13.6%	-9.4%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	2,309,092,323	2,648,954,985	2,895,774,778	-12.8%	-8.5%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2,279,214	9,033,672	3,183,362	-74.8%	183.8%
7. Chi phí tài chính	18,191,030	10,287,763	7,918,863	76.8%	29.9%
- Trong đó: Chi phí lãi vay		4,177,591	-		
8. Chi phí bán hàng	22,900,000	24,080,000	28,064,960	-4.9%	-14.2%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,895,055,925	2,180,682,885	2,465,322,188	-13.1%	-11.5%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	375,224,582	442,938,009	397,652,129	-15.3%	11.4%
11. Thu nhập khác		-	-		
12. Chi phí khác	-	-	-		
13. Lợi nhuận khác	-	-	-		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	375,224,582	442,938,009	397,652,129	-15.3%	11.4%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	75,044,916	88,587,602	79,530,426	-15.3%	11.4%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	300,179,666	354,350,407	318,121,703	-15.3%	11.4%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	-	-	-		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	-	-	-		

(Nguồn: Phòng kế toán)

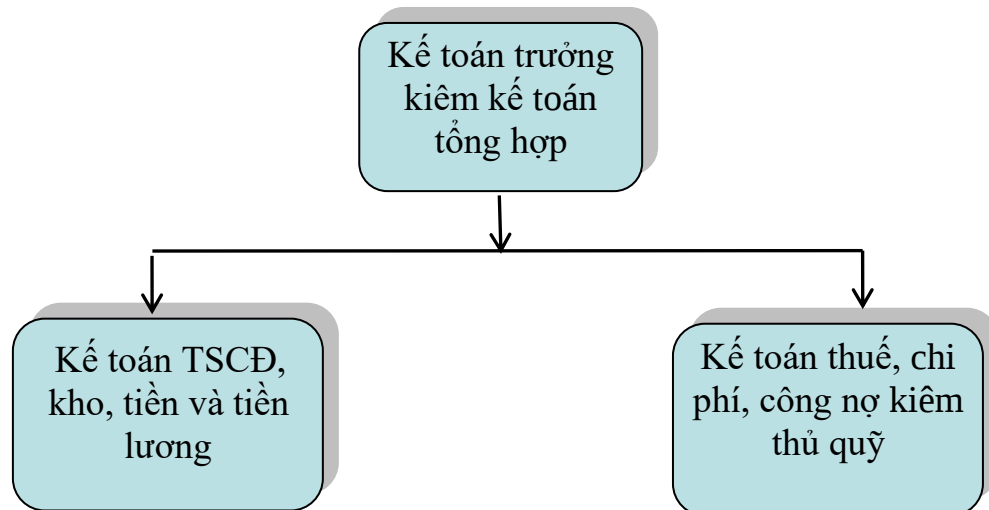
Theo bảng 2.1.5.1, nhìn chung qua 3 năm, doanh thu đạt được có xu hướng giảm dần. Cụ thể năm 2019, doanh thu đạt được là 14.062.503.000 đ, con số này vào năm 2020 giảm xuống còn 12.765.780.000 đ, tương ứng mức giảm 9.2%. Năm 2021 doanh thu giảm xuống còn 11.045.265.000, giảm 13.5% so với năm 2020. Sự

sụt giảm này chủ yếu là do sự bùng nổ của đại dịch Covid-19.

2.1.6. Tổ chức bộ máy kế toán

➤ Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Để phù hợp với điều kiện kinh doanh, Công ty TNHH Global ENG Việt Nam mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Cụ thể như sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

(Nguồn: Phòng kế toán)

➤ Nhiệm vụ của phòng kế toán:

• Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:

- Có nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán trong công ty theo đúng chính sách Pháp luật Nhà nước.
- Chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc và Nhà nước về các thông tin kế toán.
- Tập hợp chi phí tính giá thành kết chuyển lãi lỗ, kiểm tra báo cáo tài chính, kiểm tra sổ sách, đơn đốc việc lập báo cáo, xử lý các bút toán chưa đúng do kế toán viên đã lập.
- Dựa vào các báo cáo của các phân hành khác, kế toán tiến hành tổng hợp, phân tích nhập số liệu, lấy báo cáo từ phần mềm tiến hành phân tích báo cáo.

• Kế toán TSCĐ, kho, tiền và tiền lương:

- Hàng tháng tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo quy định của Nhà nước, chịu trách nhiệm phản ánh số lượng hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình nhập xuất tồn kho tất cả các mặt hàng trong kho.
- Lập kế hoạch tín dụng, kế hoạch về tiền mặt, tiền gửi và kế hoạch thanh toán
- Hạch toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản khấu trừ vào lương. Đồng thời phụ trách về công tác hành chính nhân sự của công ty.
- Theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội hàng tháng, đảm bảo thực hiện nộp đúng và đủ và kịp thời.

- **Kế toán thuế, chi phí và các khoản công nợ:**

- Định kỳ quý tiến hành kê khai thuế để làm nhiệm vụ với Nhà nước. Kiểm tra đối chiếu sổ sách với các đơn vị, tiến hành nhập số liệu phát sinh hàng tháng để cuối kỳ lên báo cáo.
- Theo dõi công nợ phải thu khách hàng và công nợ phải trả nhà cung cấp.
- Tập hợp và phân bổ Giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp và phân bổ các chi phí liên quan đến việc kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.
- Kiểm nhiệm thủ quỹ, phụ trách quỹ tiền mặt công ty.

2.1.7. Các chính sách kế toán của công ty

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn ban hành kèm.
- Kỳ kế toán: Niên độ kế toán theo năm trùng với năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 tới ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị kế toán sử dụng để lập báo cáo và ghi sổ là Đồng Việt Nam.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn (bình quân tức thời).
- Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- Hệ thống báo cáo tài chính: Hàng năm sau khi được kiểm toán, Công ty tiến hành lập báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế theo quy định, bao gồm hệ thống các mẫu biểu báo cáo sau:

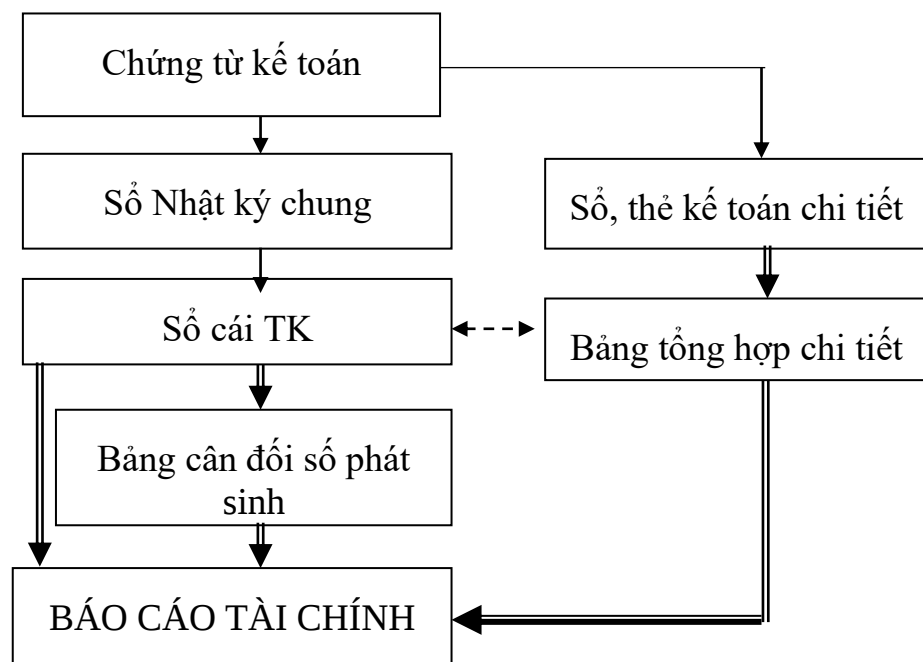
+ Bảng cân đối kế toán: Mẫu số B 01 - DN

- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B 02 - DN
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B 03 - DN
- + Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B 09 – DN

– Hình thức sổ kế toán:

Với hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung, các sổ sách thường sử dụng tại công ty là những sổ sách theo mẫu biểu quy định trong hình thức Nhật ký chung.

❖ Trình tự kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ quy trình hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ về các thiết bị điện điều khiển tự động nên công tác xác định doanh thu khá đơn giản. Phương thức kinh doanh tại công ty theo phương thức bán trực tiếp, thị trường chủ yếu là khu công nghiệp, khu chế xuất thành phố Hải Phòng.

Công ty bán hàng theo hình thức trả ngay hoặc trả chậm, thời gian trả chậm trong vòng 30 – 60 ngày tùy hợp đồng, tùy khách hàng.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Đơn đặt hàng, hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao hàng hóa, nghiệm thu dịch vụ hoàn thành

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

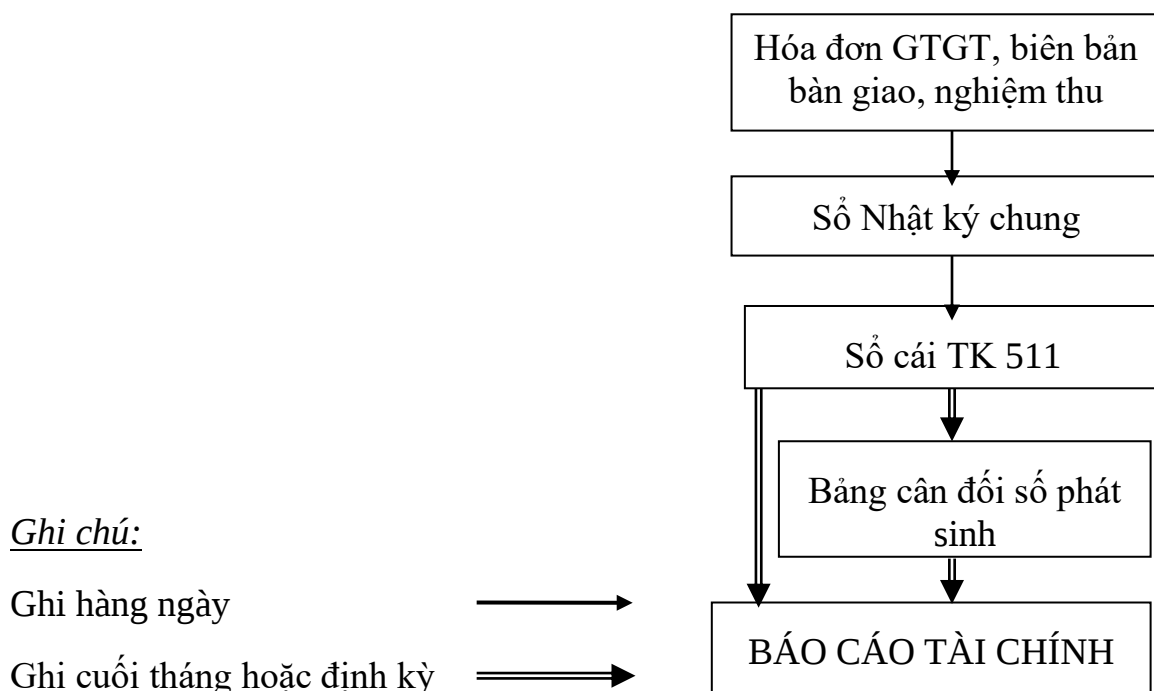
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK liên quan: TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra phải nộp
TK 131 – Phải thu khách hàng

2.2.1.3. Trình tự hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT và các chứng từ liên quan, kế toán vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 511.

Cuối năm, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam được mô tả qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu theo hình thức Nhật ký chung**2.2.1.4. Ví dụ minh họa**

Ví dụ 1: Ngày 22/10/2021 bán hàng trả sau, mặt hàng vật liệu chống cháy SFEX PAD 60 cho LG Innotek Việt Nam Hải Phòng theo hóa đơn GTGT số HĐ0000047, số tiền chưa bao gồm thuế GTGT: 436.700.000 đ, thuế suất thuế GTGT 0% (do LG Innotek nằm trong chế xuất nên được hưởng mức thuế suất GTGT 0%). Bán hàng theo phương thức trả chậm. Kế toán định khoản:

Nợ TK 131: 436.700.000

Có TK 511: 436.700.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000047 (Biểu 2.1) và biên bản giao nhận hàng hóa (Biểu 2.2), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5), sau đó vào sổ cái TK 511 (Biểu 2.6)

Ví dụ 2: Ngày 25/10/2021 bán hàng trả ngay bằng chuyển khoản, mặt hàng thiết bị cảm biến độ ẩm cho LG Innotek Việt Nam Hải Phòng theo hóa đơn GTGT số HĐ0000048, số tiền chưa bao gồm thuế GTGT: 30.440.000 đ, thuế suất thuế GTGT 0% (do LG Innotek nằm trong chế xuất nên được hưởng mức thuế suất GTGT 0%). Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 30.440.000

Có TK 511: 30.440.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000048 (Biểu 2.3), biên bản giao nhận hàng hóa (Biểu 2.4), Giấy báo Có (Biểu 2.5), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.6), sau đó vào sổ cái TK 511 (Biểu 2.7)

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số HD0000047

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/17P		
Ngày 22 tháng 10 năm 2021			Số: HD0000047		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH GLOBAL ENG VIỆT NAM					
Mã số thuế: 0201818719					
Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.					
Điện thoại: 0225 362 1199					
Số tài khoản: 164657668 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Phạm Quang Huy					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH LG INNOTEK VIỆT NAM HẢI PHÒNG					
Mã số thuế: 0201741181					
Địa chỉ: Lô I-4, Khu công nghiệp Trảng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vật liệu chống cháy SFEX PAD 60	Gói	220	1.985.000	436.700.000
Cộng tiền hàng					436.700.000
Thuế suất GTGT: 0%		Tiền thuế GTGT			0
Tổng cộng tiền thanh toán					436.700.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.2: Biên bản giao nhận hàng hóa đi kèm hóa đơn số HD0000047

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA Số: HD0000047/GEV Ngày 22 tháng 10 năm 2021					
<u>Bên giao:</u> CÔNG TY TNHH GLOBAL ENG VIỆT NAM Mã số thuế: 0201818719 Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Đại diện bên giao: Ông Trần Minh Tuấn Chức vụ: Kỹ thuật					
<u>Bên nhận:</u> CÔNG TY TNHH LG INNOTEK VIỆT NAM HẢI PHÒNG Mã số thuế: 0201741181 Địa chỉ: Lô I-4, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Họ tên người mua hàng: Phạm Quang Huy Chức vụ: Nhân viên mua hàng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	3	4	6
1	Vật liệu chống cháy SFEX PAD 60	SFEX PAD 60	Gói	220	
- Hai bên cùng tiến hành lập biên bản giao nhận số lượng hàng hóa trên đúng chủng loại, hàng hóa - Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau Đại diện bên nhận Đại diện bên giao					

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.3: Hóa đơn GTGT số HD0000048

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/17P		
Ngày 25 tháng 10 năm 2021			Số: HD0000048		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH GLOBAL ENG VIỆT NAM					
Mã số thuế: 0201818719					
Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.					
Điện thoại: 0225 362 1199					
Số tài khoản: 164657668 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Phạm Quang Huy					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH LG INNOTEK VIỆT NAM HẢI PHÒNG					
Mã số thuế: 0201741181					
Địa chỉ: Lô I-4, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thiết bị cảm biến áp suất	Chiếc	40	761.000	30.440.000
Cộng tiền hàng					30.440.000
Thuế suất GTGT: 0%		Tiền thuế GTGT			0
Tổng cộng tiền thanh toán					30.440.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.4: Biên bản giao nhận hàng hóa đi kèm hóa đơn số HD0000048

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA Số: HD0000048/GEV Ngày 25 tháng 10 năm 2021					
<u>Bên giao:</u> CÔNG TY TNHH GLOBAL ENG VIỆT NAM Mã số thuế: 0201818719 Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Đại diện bên giao: Ông Trần Minh Tuấn Chức vụ: Kỹ thuật					
<u>Bên nhận:</u> CÔNG TY TNHH LG INNOTEK VIỆT NAM HẢI PHÒNG Mã số thuế: 0201741181 Địa chỉ: Lô I-4, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Họ tên người mua hàng: Phạm Quang Huy Chức vụ: Nhân viên mua hàng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	3	4	6
1	Thiết bị cảm biến áp suất	P118	Chiếc	40	
- Hai bên cùng tiến hành lập biên bản giao nhận số lượng hàng hóa trên đúng chủng loại, hàng hóa - Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau Đại diện bên nhận (Ký, ghi rõ họ tên) Đại diện bên giao (Ký, ghi rõ họ tên)					

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.5. Giấy báo Có



Chi nhánh: Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25 tháng 10 năm 2021

Mã GDV: PHAM VAN ANH

Mã KH : 66528

Số GD : 420

Kính gửi: Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Mã số thuế: 0201818719

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 164657668

Số tiền bằng số: 30.440.000 đ

Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn

Nội dung: Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam Hải Phòng thanh toán tiền hàng theo hóa đơn số 0000048 ngày 25/10/2021.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.6. Sổ nhật ký chung**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03a-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2021

ĐVT: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
22/10	HĐ 0000047	22/10	Bán hàng vật liệu chống cháy SFEX PAD 60 cho LGITVH	131	436.700.000	
				511		436.700.000
22/10	HĐ 0000047	22/10	Giá vốn vật liệu chống cháy SFEX PAD 60	632	345.054.600	
				156		345.054.600
25/10	HĐ 0000048	25/10	Bán hàng thiết bị cảm biến áp suất cho LGITVH	112	30.440.000	
				511		30.440.000
25/10	HĐ 0000048	25/10	Giá vốn thiết bị cảm biến áp suất	632	23.120.000	
				156		23.120.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT128	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	11.045.265.000	
				911		11.045.265.000
			...			
			Cộng số phát sinh		82.856.600.186	82.856.600.186

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.7. Sổ cái TK 511**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03b-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI****TK 511 – Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Năm 2021***DVT: Đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
22/10	HĐ 0000047	22/10	Bán hàng vật liệu chống cháy SFEX PAD 60 cho LGITVH	131		436.700.000
25/10	HĐ 0000048	25/10	Bán hàng thiết bị cảm biến áp suất cho LGITVH	112		30.440.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT128	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	11.045.265.000	
			Cộng số phát sinh		11.045.265.000	11.045.265.000
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1. Chứng từ

- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao hàng hóa
- Các chứng từ liên quan khác

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- Tài khoản liên quan: TK 156 – Hàng hóa

2.2.2.3. Trình tự hạch toán

Tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn, trị giá thực tế hàng xuất kho được tính bằng cách:

Sau mỗi lần nhập hàng, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất để tính trị giá xuất:

$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập}$$

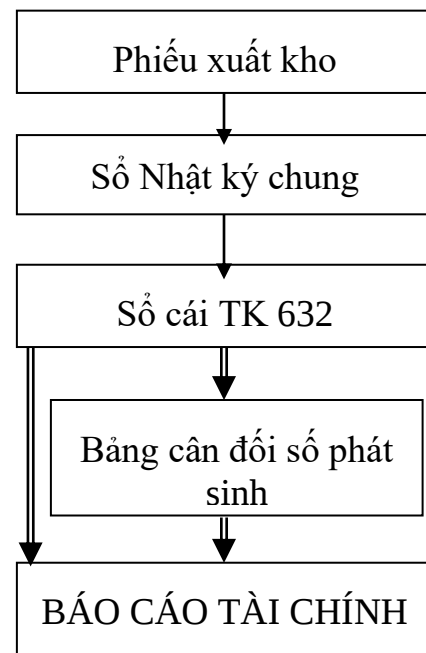
$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Giá vốn hàng bán được xác định khi xuất bán các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận cùng thời điểm với doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ đảm bảo nguyên tắc tương ứng giữa doanh thu và giá vốn.

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 632.

Cuối năm, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính

Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam được mô tả qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ $\Longrightarrow$

(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.5. Sơ đồ quy trình hạch toán giá vốn hàng bán theo hình thức Nhật ký chung

2.2.2.4. Ví dụ minh họa:

✓ Tiếp ví dụ 1 ở phần 2.2.1.4 kế toán doanh thu, kế toán tiến hành tính giá vốn vật liệu chống cháy SFEX PAD 60 xuất bán cho LG ngày 22/10/2021, số lượng 220 gói như sau:

Ta có: vật liệu chống cháy SFEX PAD 60, tồn đầu kỳ số lượng: 20 gói, đơn giá: 1.570.000đ/ gói.

Trong ngày 20/10/2021, Công ty nhập thêm 200 gói, đơn giá 1.568.273 đ/gói. Vậy đơn giá bình quân của vật liệu chống cháy SFEX PAD 60 xuất ngày 22/10/2021 được tính như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho ngày 22/10/2021} = \frac{20 \times 1.570.000 + 200 \times 1.568.273}{20 + 200} = 1.568.430 \text{ đ/gói}$$

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng xuất kho} \end{array} = 220 * 1.568.430 = 345.054.600 \text{ đ}$$

Kế toán định khoản : Nợ TK 632: 345.054.600

Có TK 156: 345.054.600

✓ Tiếp ví dụ 2 ở phần 2.2.1.4 kế toán doanh thu, kế toán tiến hành tính giá vốn thiết bị cảm biến áp suất xuất bán cho LG ngày 25/10/2021, số lượng 40 chiếc như sau:

Ta có: thiết bị cảm biến áp suất, tồn đầu kỳ số lượng: 50 chiếc, đơn giá: 578.000đ/chiếc.

Công ty không nhập thêm trong năm. Vậy đơn giá bình quân của thiết bị cảm biến áp suất xuất ngày 25/10/2021 bằng đơn giá tồn kho đầu kỳ 578.000 đ/chiếc:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng xuất kho} \end{array} = 40 * 578.000 = 23.120.000 \text{ đ}$$

Kế toán định khoản : Nợ TK 632: 23.120.000

Có TK 156: 23.120.000

Kế toán căn cứ vào các phiếu xuất kho số XK120 (Biểu 2.8) và số XK121 (Biểu 2.9) để vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.10). Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 632 (Biểu 2.11). Cuối năm, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái TK 632 để ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Từ đó làm cơ sở lập báo cáo tài chính năm 2021.

Biểu 2.8: Phiếu xuất kho ngày 22/10/2021**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: 02-VT**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

Nợ: 632

Số: XK120

Có: 156

- Họ tên người nhận hàng: Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam Hải Phòng
- Địa chỉ (bộ phận): Lô I-4, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam Hải Phòng theo hóa đơn 0000047
- Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4
1	Vật liệu chống cháy SFEX PAD 60	Gói	220	220	1.568.430	345.054.600
	Cộng					345.054.600

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Ba trăm bốn mươi lăm triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

Người lập**Người nhận****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Hoặc bộ phận
có nhu cầu nhập)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.9: Phiếu xuất kho ngày 25/10/2021**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: 02-VT**

Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 25 tháng 10 năm 2021

Nợ: 632

Số: XK121

Có: 156

- Họ tên người nhận hàng: Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam Hải Phòng
- Địa chỉ (bộ phận): Lô I-4, Khu công nghiệp Trảng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam Hải Phòng theo hóa đơn 0000048
- Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4
1	Thiết bị cảm biến áp suất	Chiếc	40	40	578.000	23.120.000
	Cộng					23.120.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 25 tháng 10 năm 2021

Người lập**Người nhận****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Hoặc bộ phận
có nhu cầu nhập)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.10: Sổ nhật ký chung**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03a-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2021

ĐVT: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
22/10	HĐ 0000047	22/10	Bán hàng vật liệu chống cháy SFEX PAD 60 cho LGITVH	131	436.700.000	
				511		436.700.000
22/10	XK120	22/10	Giá vốn vật liệu chống cháy SFEX PAD 60	632	345.054.600	
				156		345.054.600
25/10	HĐ 0000048	25/10	Bán hàng thiết bị cảm biến áp suất cho LGITVH	112	30.440.000	
				511		30.440.000
25/10	HĐ 0000048	25/10	Giá vốn thiết bị cảm biến áp suất	632	23.120.000	
				156		23.120.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT129	31/12	Cuối năm kết chuyển giá vốn hàng bán	911	8.736.172.677	
				632		8.736.172.677
			...			
			Cộng số phát sinh		82.856.600.186	82.856.600.186

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.11: Sổ cái tài khoản 632**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03b-DN**

Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

SỔ CÁI**TK 632 – Tên TK: Giá vốn hàng bán****Năm 2021***ĐVT: Đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
04/10	XK116	04/10	Giá vốn hàng bán	156	12.900.000	
08/10	XK117	08/10	Giá vốn hàng bán	156	503.800.000	
12/10	XK118	12/10	Giá vốn hàng bán	156	75.900.000	
18/10	XK119	18/10	Giá vốn hàng bán	156	45.120.000	
22/10	XK120	22/10	Giá vốn hàng bán	156	345.054.600	
25/10	XK121	25/10	Giá vốn hàng bán	156	23.120.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT129	31/12	Cuối năm kết chuyển giá vốn hàng bán	911		8.736.172.677
			Cộng số phát sinh		8.736.172.677	8.736.172.677
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng tại công ty không phát sinh nhiều, chủ yếu là chi phí vận chuyển hàng bán.

2.2.3.1. Chứng từ

- Hóa đơn GTGT; Đề nghị thanh toán; Phiếu chi; ...

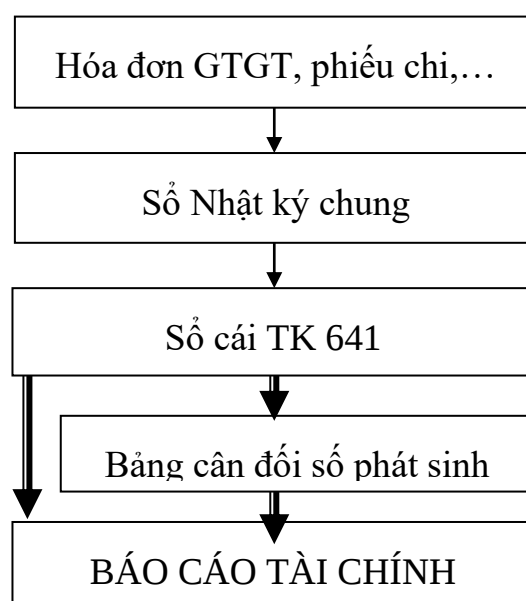
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- TK 641 – Chi phí bán hàng

2.2.3.3. Trình tự hạch toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →
Ghi cuối tháng
hoặc định kỳ ==>



(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.6. Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí bán hàng theo hình thức Nhật ký chung

2.2.3.4. Ví dụ minh họa

Ngày 22/10/2021, thuê xe vận chuyển hàng vật liệu chống cháy SFEX PAD 60 để bán cho Công ty LG Innotek Việt Nam Hải Phòng, hóa đơn GTGT số HĐ0000068, số tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.200.000 đ, thuế suất thuế GTGT 10%, cước vận chuyển chưa thanh toán, kế toán định khoản:

Nợ TK 641: 1.200.000

Nợ TK 133: 120.000

Có TK 331: 1.320.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000068 (Biểu 2.12), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.13), sau đó vào sổ cái TK 641 (Biểu 2.14). Cuối kỳ tổng hợp lên bảng cân đối số phát sinh làm căn cứ lập báo cáo tài chính năm 2021.

Biểu 2.12: Hóa đơn GTGT số 0000068

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AA/18P		
Ngày 22 tháng 10 năm 2021			Số: HD0000068		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DU LỊCH ĐẠI TOÀN Mã số thuế: 0201852646 Địa chỉ: Tổ Cam Lộ 2 (nhà ông Nguyễn Đức Tuyên), Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Điện thoại: 0936 660 798 Số tài khoản: 252688 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Ngô Quyền					
Họ tên người mua hàng: Trần Minh Tuấn Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH GLOBAL ENG VIỆT NAM Mã số thuế: 0201818719 Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển	Chuyến	1	1.200.000	1.200.000
Cộng tiền hàng					1.200.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					120.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.320.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu 2.13: Sổ nhật ký chung**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03a-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2021

ĐVT: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
22/10	HĐ 0000047	22/10	Bán hàng vật liệu chống cháy SFEX PAD 60 cho LGITVH	131	436.700.000	
				511		436.700.000
22/10	XK120	22/10	Giá vốn vật liệu chống cháy SFEX PAD 60	632	345.054.600	
				156		345.054.600
22/10	HĐ 0000068	22/10	Chi phí vận chuyển hàng vật liệu chống cháy SFEX PAD 60 bán cho LGITVH	641	1.200.000	
				133	120.000	
				331		1.320.000
...	...	...	...	...	...	...
25/10	HĐ 0000070	22/10	Chi phí vận chuyển hàng thiết bị cảm biến áp suất bán cho LGITVH	641	1.200.000	
				133	120.000	
				331		1.320.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT130	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí bán hàng	911	22.900.000	
				641		22.900.000
			...			
			Cộng số phát sinh		82.856.600.186	82.856.600.186

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu 2.14: Sổ cái tài khoản 641**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03b-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI**

TK 641 – Tên TK: Chi phí bán hàng

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
18/10	HD 0000065	18/10	Chi phí vận chuyển hàng bán cho công ty LGITVH	331	1.200.000	
22/10	HD 0000068	22/10	Chi phí vận chuyển hàng bán cho công ty LGITVH	331	1.200.000	
25/10	HD 0000070	25/10	Chi phí vận chuyển hàng bán cho công ty LGITVH	331	1.200.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT130	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí bán hàng	911		22.900.000
			Cộng số phát sinh		22.900.000	22.900.000
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam gồm các khoản mục chi phí chủ yếu sau:

- Lương và các khoản trích theo lương của cán bộ nhân viên công ty
- Tiền thuê văn phòng và các dịch vụ tiện ích đi kèm (vệ sinh, điện, nước, điện thoại, internet, nước uống, ...)
- Văn phòng phẩm, đồ dùng bàn ghế, trang thiết bị máy tính văn phòng
- Phí chuyển tiền qua hệ thống ngân hàng
- Tiền thuê xe ô tô 4 chỗ phục vụ việc di chuyển của Giám đốc và cán bộ công ty
- Công tác phí (Tiền vé máy bay và chi phí ăn, nghỉ, vé cầu đường) của cán bộ nhân viên công ty trong các chuyến công tác
- Các chi phí khác.....

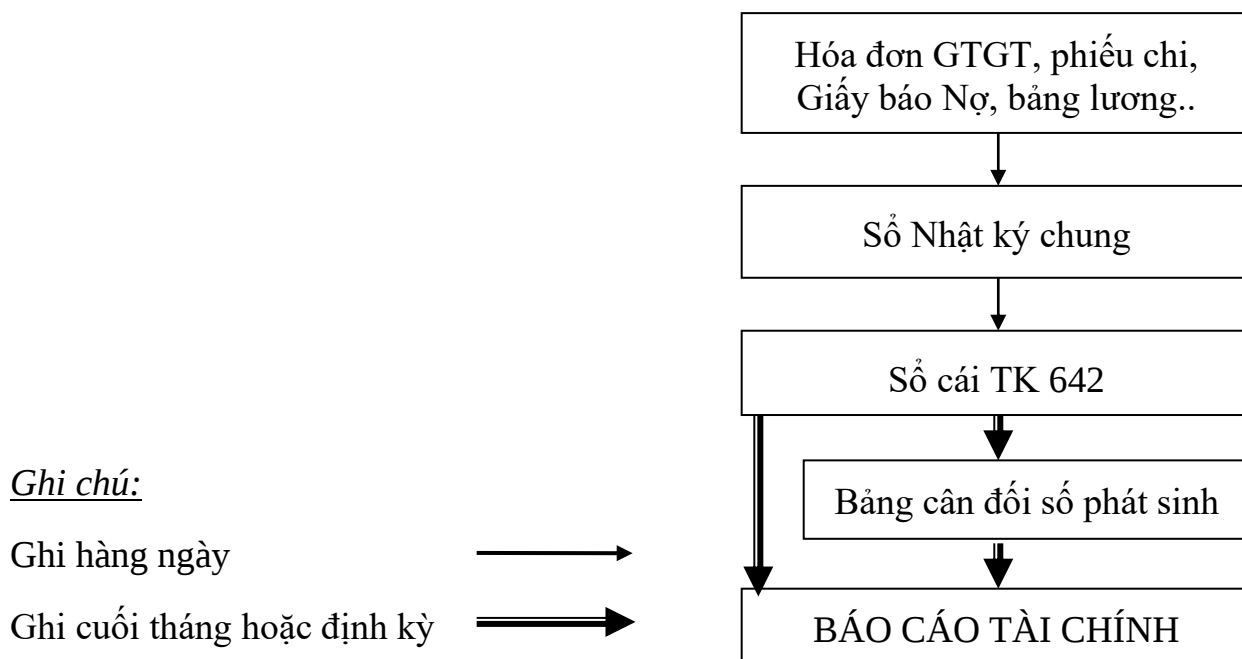
2.2.4.1. Chứng từ

- Hóa đơn GTGT
- Đề nghị thanh toán
- Biên bản bàn giao
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.3. Trình tự hạch toán



(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.7. Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp theo hình thức Nhật ký chung

2.2.4.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 27/12/2021, điện năng tiêu thụ tại văn phòng theo hóa đơn GTGT số 0002779 ngày 27/12/2021, số tiền 1.743.647 đ chưa bao gồm thuế GTGT 10%, công ty chưa thanh toán. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 642: 1.743.647

Nợ TK 133: 174.365

Có TK331: 1.918.012

Ví dụ 2: Ngày 30/12/2021, cước thuê xe ô tô con của Công ty TNHH vận tải và du lịch Đại Toàn theo hóa đơn GTGT số 18, số tiền chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 15.000.000 đ, công ty chưa thanh toán. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 642: 15.000.000

Nợ TK 133: 1.500.000

Có TK331: 16.500.000

Căn cứ vào các hóa đơn GTGT số 0002779 (Biểu 2.15) và hóa đơn GTGT số 18 (Biểu 2.16), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.17), sau đó vào sổ cái TK 642 (Biểu 2.18). Cuối kỳ tổng hợp lên bảng cân đối số phát sinh làm căn cứ lập báo cáo tài chính năm 2021.

Biểu 2.15: Hóa đơn GTGT tiền điện tháng 12/2021

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Bản thể hiện của hóa đơn điện tử) Ngày 27 tháng 12 năm 2021	Mẫu số: 01GTKT0/001 Ký hiệu: AA/20E Số: 0002779			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG					
Mã số thuế: 0200509429					
Địa chỉ: Tầng 3 toà nhà Htower II số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại: 02253852668		Email: hoadonxaydung3@gmail.com			
Số tài khoản: 109.109.01795.015 tại Techcombank Chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Global Eng Việt Nam					
Mã số thuế: 0201818719					
Địa chỉ: Tầng 3 toà nhà Htower II, 195 Văn cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam					
Hình thức thanh toán: TM/CK		Số tài khoản:			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tiền điện VP tháng 12/2021	tháng	1,0	1.743.647	1.743.647
Cộng tiền hàng:					1.743.647
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					174.365
Tổng tiền thanh toán:					1.918.012
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu chín trăm mười tám nghìn không trăm mười hai đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		
Mã tra cứu hóa đơn: 7VU5FVZR74E			Ký bởi: Công ty cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng		
Tra cứu tại Website: https://www.maimoica.vn/tra-cuu/			Ký ngày: 27/12/2021		
(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.17: Sổ nhật ký chung**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03a-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2021

ĐVT: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
22/10	HĐ 0000068	22/10	Chi phí vận chuyển hàng bán cho công ty LGITVH	641	1.200.000	
				133	120.000	
				331		1.320.000
...	...	...	...	...	...	...
27/12	HĐ 0002779	27/12	Tiền điện sử dụng tại văn phòng tháng 12/2021	642	1.743.647	
				133	174.365	
				331		1.918.012
30/12	HĐ18	30/12	Cước thuê xe ô tô tháng 12/2021	642	15.000.000	
				133	1.500.000	
				331		16.500.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT131	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	1.895.055.925	
				642		1.895.055.925
			...			
			Cộng số phát sinh		82.856.600.186	82.856.600.186

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu 2.18: Sổ cái tài khoản 642**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03b-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính***SỔ CÁI**

TK 642 – Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
27/12	HĐ 0002779	27/12	Tiền điện sử dụng tại văn phòng tháng 12/2021	331	1.743.647	
30/12	HĐ18	30/12	Cước thuê xe ô tô tháng 12/2021	331	15.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT131	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		1.895.055.925
			Cộng số phát sinh		1.895.055.925	1.895.055.925
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Phòng kế toán)*

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.5.1. Doanh thu hoạt động tài chính

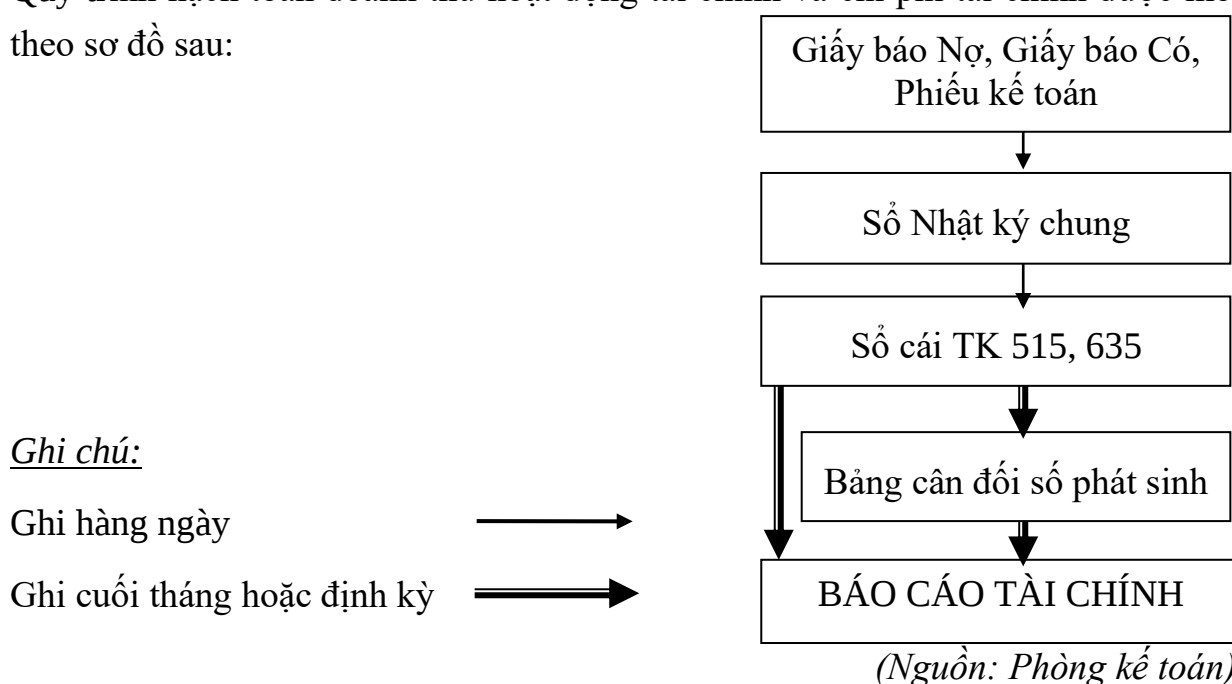
- Đặc điểm: Công ty TNHH Global ENG Việt Nam không có các hoạt động đầu tư tài chính nên doanh thu tài chính tại Công ty gồm các khoản mục chính là:
 - Lãi tiền gửi của số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại
 - Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán ngoại tệ hoặc số dư ngoại tệ
- Chứng từ sử dụng: Giấy báo Có, Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng: TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.5.2. Chi phí tài chính

- Đặc điểm: Công ty TNHH Global ENG Việt Nam không có các hoạt động đầu tư tài chính nên chi phí tài chính tại Công ty gồm các khoản mục chủ yếu sau:
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán ngoại tệ
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán ngoại tệ hoặc số dư ngoại tệ
- Chứng từ sử dụng: Giấy báo Nợ, Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng: TK 635 – Chi phí tài chính

2.2.5.3. Trình tự hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được mô tả theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.8. Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính theo hình thức Nhật ký chung

2.2.5.4. Ví dụ minh họa doanh thu hoạt động tài chính

Ngày 25/12/2021, Ngân hàng TMCP Á Châu trả lãi tài khoản tiền gửi của Công ty kỳ tháng 12/2021, số TK: 164657668, số tiền lãi: 60.227 đ. Nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng, kế toán Công ty định khoản như sau:

Nợ TK 112: 60.227

Có TK 515: 60.227

Căn cứ vào Giấy báo Có (Biểu 2.19), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.20), sau đó vào sổ cái TK 515 (Biểu 2.21). Cuối kỳ tổng hợp lên bảng cân đối số phát sinh làm căn cứ lập báo cáo tài chính năm 2021.

Biểu 2.19: Giấy báo Có

 NGÂN HÀNG Á CHÂU Chi nhánh: Hải Phòng	GIẤY BÁO CÓ Ngày 25 tháng 12 năm 2021	Mã GDV: PHAM VAN ANH Mã KH : 66528 Số GD : 575
Kính gửi: Công ty TNHH Global ENG Việt Nam Mã số thuế: 0201818719		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau: Số tài khoản ghi có: 164657668 Số tiền bằng số: 60.227 đ Số tiền bằng chữ: Sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng chẵn Nội dung: Trả lãi tài khoản tiền gửi tháng 12/2021		
Giao dịch viên		Kiểm soát
(Nguồn: Phòng kế toán)		

Biểu 2.20: Sổ nhật ký chung**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03a-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2021

ĐVT: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
25/12	GBC575	25/12	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB tháng 12/2021	112	60.227	
				515		60.227
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT118	31/12	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	635	4.500.386	
				413		4.500.386
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT132	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	2.279.214	
				911		2.279.214
31/12	PKT133	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí tài chính	911	18.191.030	
				635		18.191.030
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		82.856.600.186	82.856.600.186

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu 2.21: Sổ cái tài khoản 515**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03b-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính***SỔ CÁI**

TK 515 – Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2021

DVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KDƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
25/11	GBC569	25/11	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB tháng 11/2021	112		59.698
...	...	...	...	...	...	...
25/12	GBC575	25/12	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB tháng 12/2021	112		60.227
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT132	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	2.279.214	
			Cộng số phát sinh		2.279.214	2.279.214
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Phòng kế toán)*

2.2.5.5. Ví dụ minh họa về chi phí tài chính

Ngày 31/12/2021, kế toán Công ty kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, số tiền: 4.500.386 đ. Kế toán Công ty định khoản như sau:

Nợ TK 635: 4.500.386

Có TK 413: 4.500.386

Căn cứ vào phiếu kế toán số PKT118 (Biểu 2.22), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.23), sau đó vào sổ cái TK 635 (Biểu 2.24). Cuối kỳ tổng hợp lên bảng cân đối số phát sinh làm căn cứ lập báo cáo tài chính năm 2021.

Biểu 2.22: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Tầng 3, tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Nội dung: Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái tháng 12/2021

Số: PKT118
Ngày: 31/12/2021

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái tháng 12/2021	635	413	4.500.386
	Cộng			4.500.386

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.23: Sổ nhật ký chung**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03a-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2021

ĐVT: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
25/12	GBC575	25/12	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB	112	60.227	
				515		60.227
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT118	31/12	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	635	4.500.386	
				413		4.500.386
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT132	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	2.279.214	
				911		2.279.214
31/12	PKT133	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí tài chính	911	18.191.030	
				635		18.191.030
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		82.856.600.186	82.856.600.186

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu 2.24: Sổ cái tài khoản 635**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03b-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**SỔ CÁI**

TK 635 – Tên TK: Chi phí tài chính

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT118	31/12	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	413	4.500.386	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT133	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí tài chính	911		18.191.030
			Cộng số phát sinh		18.191.030	18.191.030
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

- Đặc điểm: Xét trong kỳ báo cáo năm 2021, Công ty TNHH Global ENG Việt Nam không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Đặc điểm: Lĩnh vực hoạt động của Công ty TNHH Global ENG Việt Nam chủ yếu là thương mại dịch vụ, nên công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh không phức tạp, công việc chủ yếu là khóa sổ kỳ kế toán, thực hiện các kết chuyển doanh thu, chi phí.

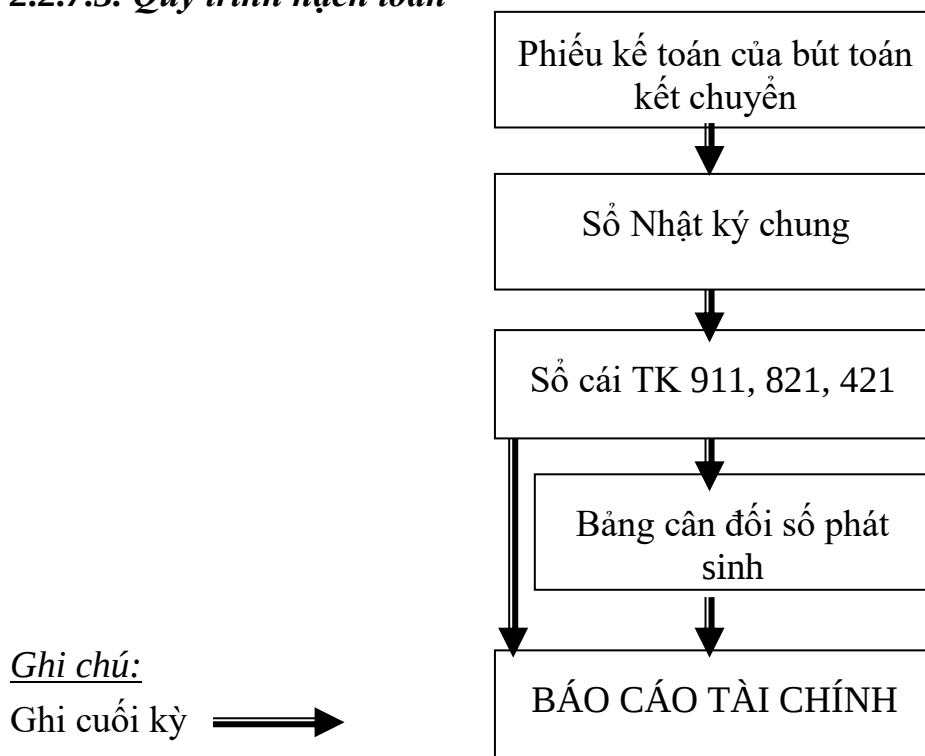
2.2.7.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

2.2.7.2. Tài khoản sử dụng:

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821 – Chi phí thuế TNDN
- TK 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

2.2.7.3. Quy trình hạch toán



(Nguồn: Phòng kế toán)

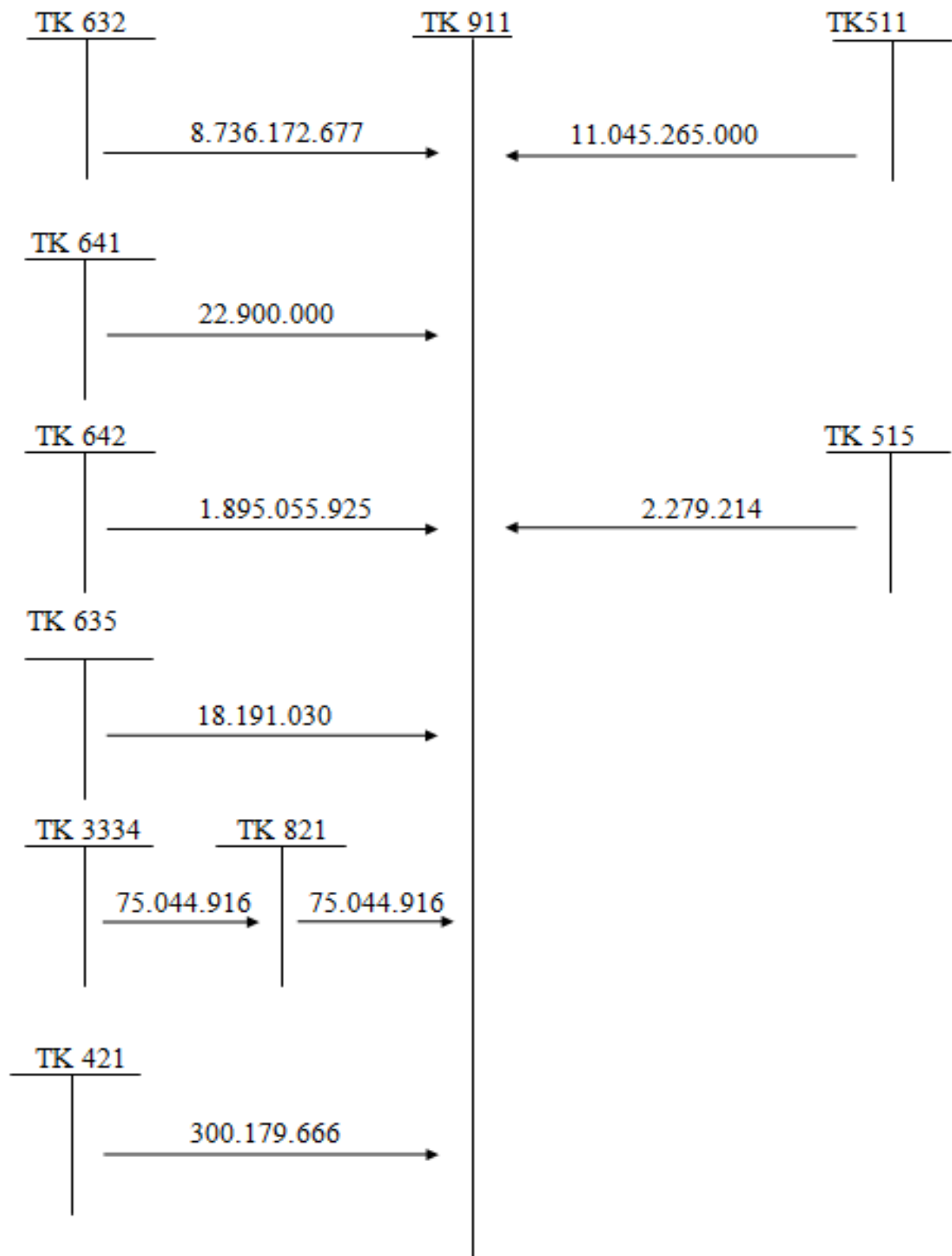
Sơ đồ 2.9. Sơ đồ quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung

2.2.7.4. Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2021, kế toán Công ty căn cứ các phiếu kế toán

- Phiếu kế toán số 128: Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Biểu 2.25)
- Phiếu kế toán số 129: Kết chuyển giá vốn hàng bán (Biểu 2.26)
- Phiếu kế toán số 130: Kết chuyển chi phí bán hàng dịch vụ (Biểu 2.27)
- Phiếu kế toán số 131: Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp (Biểu 2.28)
- Phiếu kế toán số 132: Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính (Biểu 2.29)
- Phiếu kế toán số 133: Kết chuyển chi phí tài chính (Biểu 2.30)
- Phiếu kế toán số 134: Chi phí thuế TNDN trong năm (Biểu 2.31)
- Phiếu kế toán số 135: Kết chuyển chi phí thuế TNDN (Biểu 2.32)
- Phiếu kế toán số 136: Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN (Biểu 2.33)

để ghi sổ nhật ký chung (Biểu 2.34), sau đó vào sổ cái TK 911 (Biểu 2.35), sổ cái TK 821 (Biểu 2.36) và sổ cái TK 421 (Biểu 2.37). Cuối năm tổng hợp lên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021 (Biểu 2.38).



(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global
ENG Việt Nam năm 2021

Biểu 2.25: Phiếu kế toán số 128

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Tầng 3, tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Nội dung: Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021

Số: PKT128

Ngày: 31/12/2021

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021	511	911	11.045.265.000
	Cộng			11.045.265.000

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.26: Phiếu kế toán số 129

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Tầng 3, tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Nội dung: Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2021

Số: PKT129

Ngày: 31/12/2021

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2021	911	632	8.736.172.677
	Cộng			8.736.172.677

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.27: Phiếu kế toán số 130

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Tầng 3, tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Nội dung: Kết chuyển chi phí bán hàng năm 2021

Số: PKT130

Ngày: 31/12/2021

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Kết chuyển chi phí bán hàng năm 2021	911	641	22.900.000
	Cộng			22.900.000

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.28: Phiếu kế toán số 131

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Tầng 3, tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Nội dung: Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021

Số: PKT131

Ngày: 31/12/2021

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021	911	642	1.895.055.925
	Cộng			1.895.055.925

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.29: Phiếu kế toán số 132

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Nội dung: Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2021

Số: PKT132

Ngày: 31/12/2021

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2021	515	911	2.279.214
	Cộng			2.279.214

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.30: Phiếu kế toán số 133

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Tầng 3, tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Nội dung: Kết chuyển chi phí tài chính năm 2021

Số: PKT133

Ngày: 31/12/2021

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Kết chuyển chi phí tài chính năm 2021	911	635	18.191.030
	Cộng			18.191.030

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.31: Phiếu kế toán số 134

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Tầng 3, tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Nội dung: Chi phí thuế TNDN năm 2021

Số: PKT134

Ngày: 31/12/2021

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Chi phí thuế TNDN năm 2021	821	334	75.044.916
	Cộng			75.044.916

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.32: Phiếu kế toán số 135

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Tầng 3, tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Nội dung: Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2021

Số: PKT135

Ngày: 31/12/2021

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2021	911	821	75.044.916
	Cộng			75.044.916

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.33: Phiếu kế toán số 136

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Tầng 3, tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Nội dung: Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021

Số: PKT136

Ngày: 31/12/2021

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021	911	421	300.179.666
	Cộng			300.179.666

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.34. Sổ nhật ký chung**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03a-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2021

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT128	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	11.045.265.000	
				911		11.045.265.000
31/12	PKT129	31/12	Cuối năm kết chuyển giá vốn hàng bán	911	8.736.172.677	
				632		8.736.172.677
31/12	PKT130	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí bán hàng	911	22.900.000	
				641		22.900.000
31/12	PKT131	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí bán hàng	911	1.895.055.925	
				642		1.895.055.925
31/12	PKT132	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	2.279.214	
				911		2.279.214
31/12	PKT133	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí tài chính	911	18.191.030	
				635		18.191.030
31/12	PKT134	31/12	Chi phí thuế TNDN năm 2021	821	75.044.916	
				334		75.044.916
31/12	PKT135	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2021	911	75.044.916	
				821		75.044.916
31/12	PKT136	31/12	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021	911	300.179.666	
				421		300.179.666
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		82.856.600.186	82.856.600.186

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu 2.35: Sổ cái tài khoản 911**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03b-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI**

TK 911 – Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	PKT128	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		11.045.265.000
31/12	PKT129	31/12	Cuối năm kết chuyển giá vốn hàng bán	632	8.736.172.677	
31/12	PKT130	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí bán hàng	641	22.900.000	
31/12	PKT131	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí bán hàng	642	1.895.055.925	
31/12	PKT132	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		2.279.214
31/12	PKT133	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí tài chính	635	18.191.030	
31/12	PKT135	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2021	821	75.044.916	
31/12	PKT136	31/12	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021	421	300.179.666	
			Cộng số phát sinh		11.047.544.214	11.047.544.214
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.36: Sổ cái tài khoản 821**Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mẫu số: S03b-DN**Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI**

TK 821 – Tên TK: Chi phí thuế TNDN

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
31/12	PKT134	31/12	Chi phí thuế TNDN năm 2021	333	75.044.916	
31/12	PKT135	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2021	821		75.044.916
			Cộng số phát sinh		75.044.916	75.044.916
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.37: Sổ cái tài khoản 421

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Mẫu số: S03b–DN

Tầng 3, Số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

TK 421 – Tên TK: Lợi nhuận sau thuế TNDN

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			672.472.110
			Số phát sinh			
31/12	PKT136	31/12	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021	421		300.179.666
			Cộng số phát sinh			300.179.666
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			972.651.776

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.38: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (Mẫu số B 02 - DN)***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Năm 2021****Người nộp thuế:****Công ty TNHH Global ENG Việt Nam****Mã số thuế:****0201818719****Hỗ trợ lấy dữ liệu từ năm trước****Đơn vị tính: Việt Nam Đồng**

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11,045,265,000	12,765,780,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		11,045,265,000	12,765,780,000
4. Giá vốn hàng bán	11		8,736,172,677	10,116,825,015
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		2,309,092,323	2,648,954,985
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,279,214	9,033,672
7. Chi phí tài chính	22		18,191,030	10,287,763
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			4,177,591
8. Chi phí bán hàng	25		22,900,000	24,080,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,895,055,925	2,180,682,885
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		375,224,582	442,938,009
11. Thu nhập khác	31			0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		375,224,582	442,938,009
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		75,044,916	88,587,602
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		300,179,666	354,350,407
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0

Người lập biểu:**Giám đốc:****Mr Noh Seung Hyun****Kế toán trưởng:****Ngày ký:****27/03/2022****Số chứng chỉ hành nghề:****Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:**

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GLOBAL ENG VIỆT NAM

3.1. Một số đánh giá về công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam

Trong thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam, em nhận thấy công tác kế toán tại công ty đã tuân thủ đúng chế độ hạch toán kế toán của Nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty. Hiện nay trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty, dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên công tác kế toán tại công ty vẫn chưa hoàn toàn hợp lý, do Công ty chưa xác định được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng.

3.1.1. Ưu điểm

**Về bộ máy kế toán:*

Bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ, chặt chẽ, có nhiều ưu điểm phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, đảm bảo cung cấp kịp thời những yêu cầu cơ bản về thông tin kế toán của công ty.

** Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng:*

Hệ thống chứng từ được tổ chức, sắp xếp tương đối tốt, đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ và đầy đủ theo đúng quy định của Bộ Tài Chính

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam sử dụng hợp lý và tương đối chi tiết các tài khoản kế toán theo chế độ hiện hành quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

** Về hệ thống sổ kế toán*

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

** Về công tác kế toán doanh thu, chi phí*

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán

ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Giúp xác định kết quả kinh doanh một cách hợp lý, cung cấp thông tin chính xác.

3.1.2. Hạn chế

- * Công ty chưa tiến hành mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn hàng bán vì vậy chưa theo dõi được chi tiết doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng.
- * Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà chưa sử dụng phần mềm kế toán như MISA, G9 Accounting, Fast Accounting, Vacom,...

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.

Qua những kiến thức đã học trong nhà trường và liên hệ với quy trình thực tế tại Công ty, em xin đưa ra một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam:

❖ Ý kiến thứ nhất: Mở sổ chi tiết theo dõi các khoản doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng, xây dựng công thức phân bổ chi phí quản lý kinh doanh nhằm xác định kết quả bán hàng cho từng mặt hàng.

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam kinh doanh nhiều mặt hàng, doanh thu thu được hàng năm khá lớn. Tuy nhiên, các sổ sách về doanh thu, chi phí mà kế toán lập ra mới chỉ dừng lại ở các sổ tổng hợp (Nhật ký chung, Sổ cái các TK 511, 632, 641, 642...) chứ chưa được hệ thống qua các sổ chi tiết. Điều này gây khó khăn lớn cho việc theo dõi xác định lượng sản phẩm tiêu thụ, doanh thu, chi phí cũng như khó xác định được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng mang lại.

Để giải quyết vấn đề này, Công ty nên bổ sung thêm các sổ chi tiết bán hàng theo từng mặt hàng, các sổ chi tiết giá vốn theo từng mặt hàng.

Cuối kỳ, công ty sẽ tiến hành phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng theo công thức dưới đây. Điều này sẽ giúp cho doanh nghiệp đưa ra các quyết định chuẩn xác hơn

Dưới đây là công thức phân bổ và mẫu sổ chi tiết:

$$\text{Chi phí bán hàng phân bổ cho từng mặt hàng} = \frac{\text{Doanh thu thuần về tiêu thụ của từng mặt hàng}}{\text{Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ}} * \text{Tổng chi phí bán hàng}$$

$$\text{Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho từng mặt hàng} = \frac{\text{Doanh thu thuần về tiêu thụ của từng mặt hàng}}{\text{Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ}} * \text{Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

Ví dụ: Đối với vật liệu chống cháy SFEX PAD 60, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt được phân bổ như sau:

$$\text{Chi phí bán hàng phân bổ cho vật liệu chống cháy SFEX PAD 60} = \frac{507.530.000}{11.045.265.000} * 22.900.000 = 1.052.255 \text{ đ}$$

$$\text{Chi phí QLDN phân bổ cho vật liệu chống cháy SFEX PAD 60} = \frac{507.530.000}{11.045.265.000} * 1.895.055.925 = 87.077.832 \text{ đ}$$

$$\begin{aligned} \text{Kết quả kinh doanh vật liệu chống cháy SFEX PAD 60} &= 507.530.000 - 380.647.680 - 1.052.255 - 87.077.832 \\ &= 126.882.320 \text{ đ} \end{aligned}$$

Tính tương tự như vậy đối với các mặt hàng khác.

Từ việc lập Sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.1) và Sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Biểu 3.2) ta sẽ lập được Bảng xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng (Biểu 3.3). Thông qua biểu 3.3 ta thấy được mặt hàng nào có kết quả kinh doanh cao hơn và từ đó xác định được mặt hàng đem lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận (\%)} = \text{Kết quả kinh doanh} / \text{Doanh thu}$$

Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng**Đơn vị:** Công ty TNHH Global ENG Việt Nam**Mẫu số:** S35-DN**Địa chỉ:** Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG****Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):** Vật liệu chống cháy SFEX PAD 60**Năm 2021**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng (gói)	Đơn giá (đồng/gói)	Thành tiền (đồng)	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
22/10	HĐ 0000047	22/10	Bán hàng cho Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam Hải Phòng	131	220	2.985.000	436.700.000		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh năm 2021		320		635.200.000		
			- Doanh thu thuần				635.200.000		
			- Giá vốn hàng bán				501.954.600		
			- Lãi gộp				133.245.400		

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán**Đơn vị:** Công ty TNHH Global ENG Việt Nam**Địa chỉ:** Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN****Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):** Vật liệu chống cháy SFEX PAD 60**Năm 2021**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng (hộp)	Đơn giá (đồng/hộp)	Thành tiền (đồng)
A	B	C	D	E	1	2	3
...	...	...	...	...	...	...	...
22/10	XK120	22/10	Xuất kho hàng hóa bán cho Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam Hải Phòng	156	220	1.568.430	345.054.600
...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh năm 2021		320		501.954.600

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.3: Bảng xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng**Đơn vị:** Công ty TNHH Global ENG Việt Nam**Địa chỉ:** Tầng 3 tòa nhà Htower II, số 195 Văn Cao, P.Đằng Giang,
Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng**BẢNG XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TỪNG MẶT HÀNG
Năm 2021****Đơn vị tính: đồng**

TT	Tên mặt hàng	Doanh thu	Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần	Giá vốn	Chi phí bán hàng	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kết quả kinh doanh	Tỷ suất
A	B	1	2	3= 1-2	4	5	6	7=3-4-5-6	8=7/3
1	Thiết bị cảm biến nhiệt độ	507,530,000	-	507,530,000	380,647,680	1,052,255	87,077,832	126,882,320	25.0%
2	Thiết bị cảm biến độ ẩm	383,873,000	-	383,873,000	314,774,709	795,879	65,861,779	69,098,291	18.0%
3	Thiết bị cảm biến áp suất	49,445,000	-	49,445,000	37,577,513	102,514	8,483,367	11,867,487	24.0%
4	Vật liệu chống cháy SFEX PAD 60	635,200,000	-	635,200,000	501,954,600	1,316,952	108,982,403	133,245,400	21.0%
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	Cộng	11,045,265,000	-	11,045,265,000	8,736,172,676	22,900,000	1,895,055,925	2,309,092,323	20.9%

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

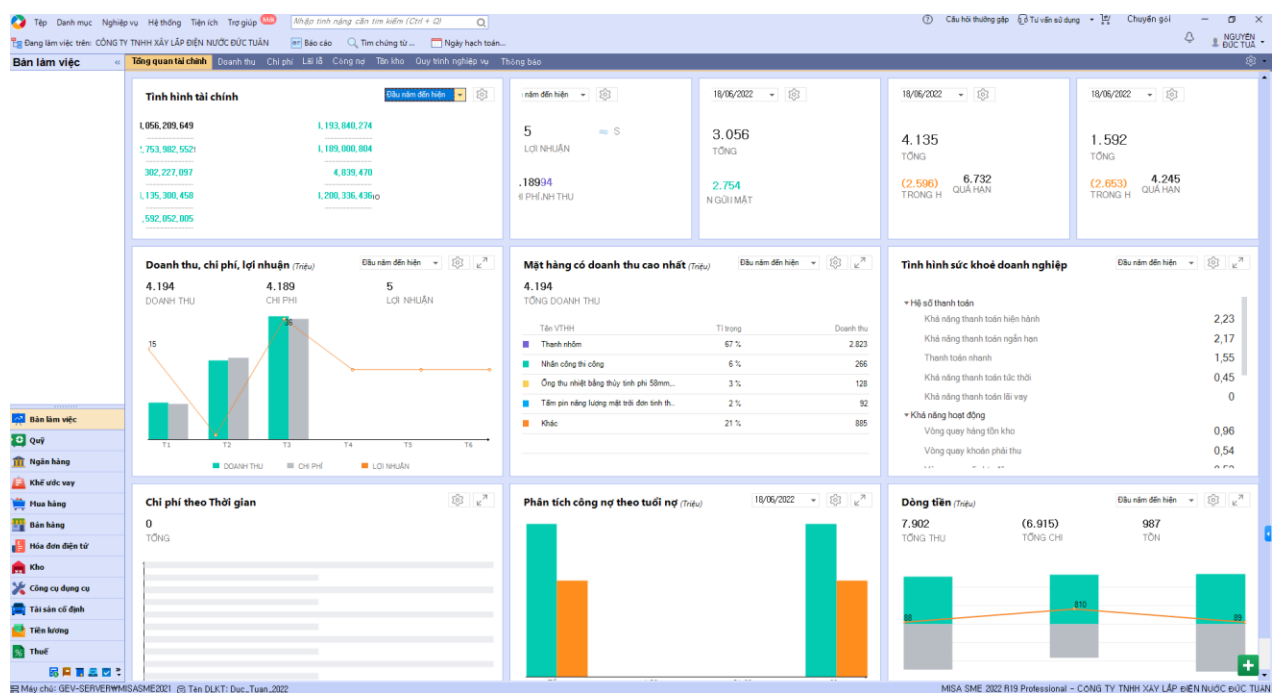
(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ **Ý kiến thứ hai: Hiện đại hóa công tác kế toán bằng các phần mềm kế toán**

Công ty TNHH Global ENG Việt Nam nên đưa phần mềm kế toán vào sử dụng để mang lại hiệu quả cao trong công việc và giảm áp lực, khối lượng cho Phòng kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán hữu ích được nhiều doanh nghiệp lớn nhỏ sử dụng. Công ty TNHH Global ENG Việt Nam nên lựa chọn loại phần mềm phù hợp với đặc điểm kinh doanh cho doanh nghiệp.

Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, G9, Fast, Vacom,...

*** Phần mềm kế toán MISA :** <http://www.misa.com.vn/>



Tháng 11 năm 2021, Công ty CP Misa phát hành phần mềm kế toán MISA SME.NET 2022. Đây là phần mềm được cải tiến liên tục cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán, thống kê tổng hợp số liệu và phân tích tình hình sức khỏe tài chính của doanh nghiệp. MISA SME.NET 2022 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Sản xuất; Xây lắp.

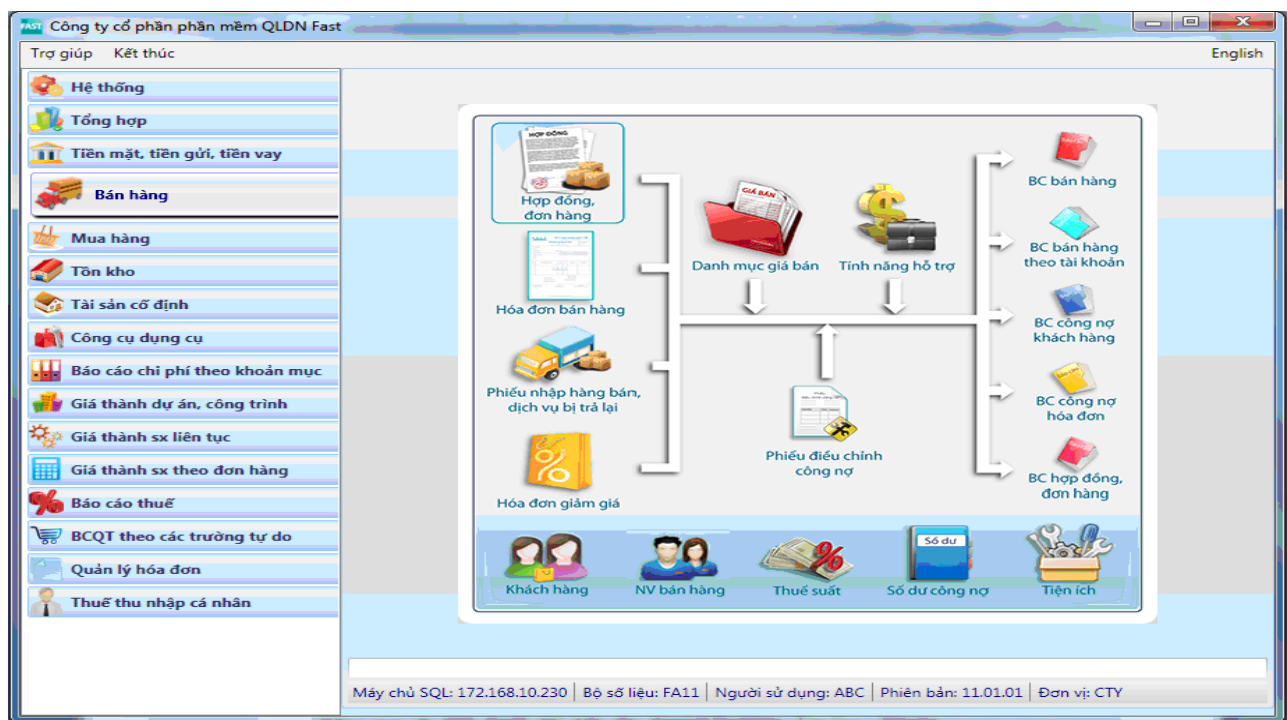
MISA SME.NET 2022 tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế và đáp ứng yêu cầu tại Thông tư 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 09 năm 2021. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế. Misa là phần mềm nằm ở top đầu các phần mềm kế toán được Tổng cục thuế đề nghị

triển khai thực hiện.

Ngày 9/12/2021, tại lễ trao giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam (Viet Nam Digital Awards) 2021, Công ty Cổ phần MISA giành 03 giải thưởng ở hạng mục Sản phẩm, Giải pháp công nghệ số tiêu biểu.

Ngày 11/12/2021, Misa được vinh danh trong Top 10 của giải thưởng Sản phẩm công nghệ số Make In Vietnam 2021 do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

* **Phần mềm kế toán Fast Accounting:** <http://www.fast.com.vn>



+ Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp .

+ Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 13.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như Sao Khuê, BIT CUP, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Theo em, công ty nên chọn phần mềm kế toán Misa để đáp ứng với yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 hiện nay.

KẾT LUẬN

Đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam” đã đạt vấn đề cơ bản sau:

- Về lý luận:
 - Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Về thực tiễn:
 - Đề tài phản ánh về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với số liệu năm 2021 minh chứng cho những lập luận đưa ra.
 - Đề tài đã đánh giá được ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.
 - Đề tài đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Global ENG Việt Nam.

Ý kiến 1: Mở sổ chi tiết theo dõi các khoản doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng, xây dựng công thức phân bổ chi phí quản lý kinh doanh để từ đó xác định kết quả kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận của từng mặt hàng, từ đó giúp Ban Giám đốc công ty ra quyết định kinh doanh chiến lược.

Ý kiến 2: Hiện đại hóa công tác kế toán bằng các phần mềm kế toán.

Do thời gian thực tập có hạn, vốn kiến thức khoa học còn hạn hẹp, nên bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý của các thầy cô, Ban giám đốc Công ty cùng các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của Th.S Nguyễn Thị Mai Linh, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các cán bộ phòng kế toán Công ty TNHH Global ENG Việt Nam đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

Sinh viên

Vũ Minh Hào

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS. NGND Ngô Thế Chi và TS. Trương Thị Thủy (2010), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài Chính, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Quang (2012), *Giáo trình Kế toán Quản trị*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
3. Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
4. Công ty TNHH Global ENG Việt Nam (2021), *Tài liệu sổ sách, Báo cáo tài chính*.